THÍCH THANH TỪ

KINH TĂNG NHẤT A HÀM

Trích giảng và Đối chiếu



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

MỤC LỤC:

MỞ ĐẦU 1

Giải và Đối chiếu Kinh số 6, Phẩm Đẳng Kiến (Hán tạng) với Kinh Sự Kiện Không Thể Có Được (Pali Tạng) 5

Giải và Đối chiếu Kinh số 1, Phẩm An Ban (Hán tạng) với Đại Kinh Giáo Giới La Hầu La (Pali tạng) 31

Giải và Đối chiếu Kinh số 6, Phẩm Tứ Ý Đoạn (Hán tạng) với Kinh Già (Pali tạng) 85

Giải và Đối chiếu Kinh số 9, Phẩm Tà Tụ (Hán tạng) với Kinh Ananda (Pali tạng) 114

Giải và Đối chiếu Kinh số 5, Phẩm Mạc Úy (Hán tạng) với Kinh Trở Về Già (Pali tạng) 135

Giảng giải Kinh số 7, Phẩm Lục Trọng (Hán tạng)..... 162

Giảng giải Kinh số 3, Phẩm Thất Nhật (Hán tạng) 185

Giảng giải Kinh số 5, Phẩm Mã Huyết Thiên Tử Vấn Bát Chánh (Hán tạng) 199

MỞ ĐẦU

Thông thường người học Phật, khi mới vào Sơ đẳng đã được học các kinh như Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, Bát Đại Nhân Giác v.v... là những bài kinh được trích trong các bộ A-hàm.

Bốn bộ A-hàm gồm Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm. Bốn bộ A-hàm thuộc hệ Sanskrit được chư tổ dịch sang tiếng Hán, rồi từ Hán dịch sang tiếng Việt.

Bốn bộ kinh là Trường Bộ kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh và Tăng Chi Bộ kinh. Bốn bộ kinh này thuộc hệ Pāli do hòa thượng Thích Minh Châu dịch sang tiếng Việt, từ năm 1965 đến năm 1972.

Về ý nghĩa của mỗi bộ kinh, Agama (tiếng Phạn) đọc trại là A-hàm, nghĩa là Pháp quy. Quy là gom, tức là gom tất cả

các pháp của Phật dạy thành bốn bộ. Thế nên nói đến A-hàm, tức chỉ cho giáo pháp đức Phật đã nói, được kết tập lại thành bốn bộ.

Những bài pháp dài gom chung một bộ gọi là Trường A-hàm (Dirgha-āgama), do hai ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch năm 413 TL. Trường Bộ kinh tiếng Pāli là Digha-nikāya, nghĩa là dài, cũng có nghĩa là gom.

Trung A-hàm là gom chung những bài kinh vừa phải không dài không ngắn. Hệ Pali gọi là Trung Bộ kinh.

Tạp A-hàm, tạp là lẫn lộn. Vì các bài kinh này có bài dài, bài ngắn, bài vừa chừng... được kết tập lẫn lộn, nên gọi Tạp A-hàm. Pāli dịch là Tương Ưng Bộ kinh. Tên kinh này hai bên dịch khác nhau. Bởi vì bên Pāli dịch tên kinh là nhắm thẳng vào từng phẩm, có phần hợp nhau thì gọi

là Tương Ưng. Như phẩm Nghiệp, phẩm Nhân Quả, phẩm Tứ Đế v.v... những bài kinh nói về nghiệp gom chung một phẩm, nói về Tứ đế gom chung một phẩm, nói về nhân quả gom chung một phẩm... Gồm hết những bài kinh đó lại một phẩm cùng loại thì gọi là Tương Ưng. Tạp A-hàm là đứng về số lượng các bài kinh dài ngắn lẫn lộn mà đặt tên. Tên gọi có khác nhưng về ý nghĩa thì hai bên không khác.

Tăng Nhất A-hàm, tăng là thêm, nhất là một. Những bài kinh đức Phật nói, thuộc một pháp thì gom chung một loại, hai pháp gom chung một loại, cứ như vậy cho đến mười lăm, mười sáu pháp... Những kinh này gọi là Tăng Nhất A-hàm. Hệ Pāli gọi là Tăng Chi Bộ kinh. Chi là phần, tăng chi là thêm từng phần.

Tạng kinh hệ Pāli rất đơn giản, gồm hết kinh Phật chỉ có năm bộ: Trường Bộ

kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh, Tăng Chi Bộ kinh và Tiểu Bộ kinh. Tiểu Bộ kinh gồm các kinh Bổn Sanh, Bổn Sự và những sự tích của chư tăng ni. Hán tạng thì chỉ nói bốn bộ A-hàm, phần Bổn sanh, Bổn sự thuộc về lịch sử nên ghi riêng. Ngoài bốn bộ A-hàm ra, còn có những bộ kinh khác như: Bát-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết-bàn v.v... rất nhiều. Do hai lối phiên dịch, nên về cách kết cấu và phần diễn đạt rộng hẹp có khác nhau chút ít. Khi chúng ta học sẽ thấy rõ ý nghĩa từng bài kinh, việc kết tập hoặc dài hoặc ngắn, những chỗ ưu khuyết, đủ thiếu, đơn giản hay phức tạp... của hai bên, để chúng ta đủ lòng tin trong sự tu học.

Thích Thanh Từ

Giải và Đối chiếu Kinh số 6, Phẩm Đẳng Kiến (Hán tạng) với Kinh Sự Kiện Không Thể Có Được (Pali Tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thế gian có năm việc tuyệt chẳng thể được. Thế nào là năm?

1) Vật đáng mất muốn cho không mất, điều này chẳng thể được.

2) Pháp diệt tận muốn cho không tận, điều này chẳng thể được.

3) Phàm pháp già muốn cho không già, điều này chẳng thể được.

4) Phàm pháp bệnh muốn cho không bệnh, điều này chẳng thể được.

5) Phàm pháp tử muốn cho không tử, điều này chẳng thể được.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có năm việc này tuyệt chẳng thể được. Nếu Như Lai ra đời hay không ra đời, thế giới này hằng trụ như cũ, mà không hư bại có tiếng mất diệt, sanh, lão, bệnh tử; hoặc sanh, hoặc chết đều trở về gốc. Đó là, này Tỳ-kheo! Có năm việc khó được này. Hãy cầu phương tiện tu hành năm căn. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Đó là Tỳ-kheo hành năm căn này rồi liền

thành Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm, chuyển tiến thành Tư-đà-hàm, chuyển tiến diệt năm kiết sử thành A-na-hàm, ở đó nhập Niết-bàn, không trở lại đời này nữa, chuyển tiến hữu lậu tận thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân chứng được và tự du hóa, không còn thọ thai nữa, như thật mà biết. Nên tìm phương tiện trừ năm việc trước, tu hành năm căn. Như thế, Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

Giảng:

Thế Tôn bảo các *Tỳ-kheo*:

- *Thế gian có năm việc tuyệt chẳng thể được. Thế nào là năm?*

1) Vật đáng mất muốn cho không mất, điều này chẳng thể được.

2) Pháp diệt tận muốn cho không tận, điều này chẳng thể được.

Thí dụ như cái nhà hoặc chiếc xe dùng lâu ngày sẽ hư, đó là vật đáng tan hoại. Chúng ta muốn cái nhà, chiếc xe đừng hư được không? Không. Vật có hình tướng thì phải hư hoại. Con người vì lòng tham muốn những gì mình ưa thích còn hoài, nên khi nó hư hoại liền khổ. Đó là cố muốn ngược lại với quy luật duyên sanh của các pháp nên tự chuốc quả khổ.

Thứ hai là pháp đáng diệt tận mà muốn không diệt tận không thể được. Thí dụ đầu mùa khô chúng ta thu hoạch vài trăm giạ lúa chứa vào bồ, để dành ăn lần lần tới hết. Bây giờ muốn ăn mà đừng hết, được không? Không thể được. Người nào muốn ngược như vậy là chuốc đau khổ.

3) Phàm pháp già muốn cho không già, điều này chẳng thể được.

4) Phàm pháp bệnh muốn cho không bệnh, điều này chẳng thể được.

Con người tới năm mươi tuổi phải già. Tới tuổi đó muốn không già, không thể được. Tất cả xe cộ có chạy thì phải hư, có máy nào chạy hoài mà không hư đâu. Cơ thể là máy thân chạy lâu cũng bị hư, biểu hiện qua bệnh tật. Máy ngoài khi hư phải sửa, thay đổi các bộ phận xấu lại cho tốt thì máy tiếp tục chạy. Cơ thể chúng ta cũng vậy, bộ phận nào yếu dùng thuốc bồi bổ cho nó mạnh lên. Bệnh là chuyện đương nhiên phải đến, hoặc ít nhiều hoặc nặng nhẹ, không ai hoàn toàn không bệnh cả.

5) Phàm pháp tử muốn cho không tử, điều này chẳng thể được.

Có người nào muốn đừng chết được không? Không. Việc không muốn già đôi khi còn có thể được, trường hợp chết bốn mươi tuổi đâu có già, chứ không muốn chết tuyệt đối không thể được. Đó là những điều đức Phật nêu lên con người không thể muốn mà được. Những điều ấy nói theo ngôn ngữ bây giờ là quy luật, không thể chối cãi được. Nếu chúng ta sống đúng nguyên tắc đó thì không khổ, sống ngược lại là khổ. Càng chống càng khổ.

Ai cũng hiểu lý vô thường nhưng khi nó đến thì không bằng lòng. Chuyện nhỏ như già thì răng phải rụng, thế nhưng lúc nó lung lay lại buồn. Già mắt hơi mờ, sửa soạn mang kiếng cũng buồn. Chỗ mình thích, không ở được cũng buồn, như dời Chân Không quý vị có buồn không? Có. Chuyện phải đến, mình lại không bằng

lòng nên đau khổ. Ai cũng biết rằng cha mẹ già phải chết, nhưng khi cha mẹ chết vẫn khóc như thường. Tuy hiểu lý vô thường mà nước mắt vẫn cứ rơi. Trên lý thuyết thì chấp nhận, mà thực tế không bằng lòng, nên mới phản ứng khổ đau hoặc than khóc.

Người xưa bảo: *Ngôn hạnh tương ưng danh vi viết tổ,* nghĩa là nói được làm được phù hợp nhau gọi là tổ. Chúng ta nói được mà làm không được. Phật tổ nói nghe hiểu hết, còn có thể giảng rất hay nữa, nhưng chạm thực tế chưa ứng dụng được. Nếu ứng dụng được lý vô thường sẽ bớt khổ rất nhiều. Ái biệt ly là vô thường; sanh, già, bệnh, chết cũng là vô thường, nhưng những thứ đó vẫn là nỗi khổ đau lớn của chúng sanh.

Năm điều Phật nói ở đây là một quy luật không thể chối cãi, nó đến thì phải

đến. Thế mà chúng ta vẫn ôm lòng ngầm chống lại, nghe nói già buồn, vẫn tránh né vì sợ. Như người bị bệnh ngặt sắp chết, bác sĩ không dám cho đương sự biết, chỉ nói với người thân biết, vì nói bệnh nhân sợ. Con người không đủ gan dạ nhìn thẳng cái chết, nghe nói tới nó là hoảng kinh lên, cho thấy ai cũng biết có thân là có sanh, già, bệnh, chết, nhưng chết đến là sợ. Người tu đạt được lý vô thường thì vô thường đến vẫn tươi cười vui vẻ. Chỉ cần ứng dụng đúng lý vô thường đã là thánh rồi, nói chi những lý khác.

Nhiều vị tăng ni học đạo, giảng đạo hay, nói thao thao bất tuyệt nhưng dụng việc giống hệt phàm phu, không khác chút nào. Như tiễn người thân ra sân bay, thiên hạ khóc mình cũng rưng rưng nước mắt. Vậy là không hơn người đời bao nhiêu. Hoặc khổ đau đến chúng ta cũng

chưa gan dạ an ổn tươi tỉnh trước nghịch cảnh. Phải nhớ tu là thực hành là sống, chứ không phải tu là nói. Sống đúng quy luật vô thường, không tránh né, vui vẻ chấp nhận. Như nói lát nữa chết liền tự vui: "À, tốt quá! Mình có dịp khám phá coi cái chết ra sao, hoặc sửa soạn qua một thế giới mới đây". Vậy là cười chơi, có gì đâu mà sợ.

Huynh đệ có mâu thuẫn thế này, ở lâu một chỗ thì buồn, muốn đi chơi chỗ nào mới lạ. Đi cực lắm mà vẫn thích vì muốn biết cái mới. Cũng vậy, sống ở thế gian này mấy chục năm rồi, bây giờ được qua thế giới mới phải vui vẻ, tại sao lại sợ? Có người nói chết không sợ mà sợ bệnh, đó là lối nói tránh. Quả không sợ mà sợ nhân, nhân không có làm sao ra quả?

Hiểu như vậy rồi chúng ta phải tập sống với những gì Phật dạy. Sống được

mới có giá trị tu, chỉ nói thôi chưa phải là tu. Biết rằng mình nói để mọi người hiểu là tốt, nhưng bản thân không làm được mà bảo người ta làm, không thấy xấu hổ sao? Như tôi bảo mấy chú ráng ngồi thiền hai giờ, mà tôi ngồi mười lăm phút thôi, mấy chú chịu không? Bảo mấy chú ngồi hai tiếng, tôi cũng phải ngồi hai tiếng hoặc hơn, như vậy mới được. Trong đạo tôn xưng Phật là đấng Đạo sư. Đạo là đường, Sư là thầy; Đạo sư là thầy dẫn đường. Phật là bậc thầy dẫn đường. Phật đi trước mình theo sau, gọi là tu theo Phật. Chư tăng cũng vậy, là Đạo sư nhỏ, mới tập sự. Do đó phải biết những gì mình dạy được thì làm được, chứ đừng nói một đàng làm một ngả thì không hay. Người nói hay mấy mà không sống được thì cũng không hết đau khổ. Đó là chỗ thiết yếu trong sự tu hành.

Người già đến thì sợ, bệnh thì rên rỉ, chết thì hoảng hốt, là chưa biết tu. Tập làm sao trên bảy mươi tuổi, chuẩn bị ngày gần ra đi tươi cười, không ngồi cũng được, như vậy mới có đạo lý. Không nên nắm tay con cháu khóc lóc, yếu đuối lắm! Đó là năm điều chúng ta cần phải học và sống cho được.

Nếu Như Lai ra đời hay không ra đời, thế giới này hằng trụ như cũ, mà không hư bại có tiếng mất diệt, sanh, lão, bệnh tử; hoặc sanh, hoặc chết đều trở về gốc. Đó là, này Tỳ-kheo! Có năm việc khó được này. Hãy cầu phương tiện tu hành năm căn. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Đó là Tỳ-kheo hành năm căn này rồi liền thành Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm, chuyển tiến thành Tư-đà-hàm, chuyển tiến diệt năm kiết sử thành A-na-

hàm, ở đó nhập Niết-bàn, không trở lại đời này nữa, chuyển tiến hữu lậu tận thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân chứng được và tự du hóa, không còn thọ thai nữa, như thật mà biết. Nên tìm phương tiện trừ năm việc trước, tu hành năm căn. Như thế, Tỳ-kheo, nên học điều này.

Người nào muốn thoát năm điều này phải dùng phương tiện tu năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ. Tín là lòng tin. Tin nhân quả, tin Tam bảo. Không phải tin là trông cậy Phật cứu cho khỏi chết. Bởi vì nếu gieo nhân xấu không bao giờ có quả tốt, gieo nhân tốt không bao giờ có quả xấu. Chúng ta tin nhân quả để tạo nhân lành sẽ có quả lành. Khi đã tin như vậy rồi cố gắng thực hành là tinh tấn. Khi cố gắng thực hành, phải chuyên nhớ một pháp, tâm được an định. Tâm an định rồi

thì trí tuệ phát sanh. Đó là đi tới giải thoát năm việc trên.

Khi trí tuệ phát sanh chứng Tu-đà-hoàn, chỉ sanh lại cõi này bảy lần. Tu tập tiếp chứng Tư-đà-hàm, chỉ còn một phen sanh trở lại. Từ Tư-đà-hàm chuyển tiến sạch các kiết sử sẽ chứng A-na-hàm, không còn sanh lại cõi này nữa. Ở cõi trời A-na-hàm chuyển tiến dứt hữu lậu được vô lậu, tâm giải thoát, chứng quả A-la-hán, nhập Niết-bàn. Vậy do tu năm căn này chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, hết thọ thân, hết bị sanh, già, bệnh, chết làm khổ nữa.

PALI TẠNG

Chánh văn:

Này các Tỷ-kheo, có năm sự kiện này không thể có được, bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi ma hay Phạm

thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm?

1) "Phải bị già muốn khỏi già", là một sự kiện không thể có được, bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. "Phải bệnh muốn không bệnh", là một sự kiện không thể có được, bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. "Phải chết muốn không chết", là một sự kiện không thể có được, bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi ma hay Phạm thiên hay bởi một ai ở đời. "Phải hoại diệt muốn không hoại diệt", là một sự kiện không thể có được, bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. "Phải bị tiêu diệt muốn

không tiêu diệt" là một sự kiện không thể có được, bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

2) Với kẻ phàm phu không học, này các Tỷ-kheo, phải bị già và già đến, và khi già đến kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta, phải bị già và già đến. Nhưng đối với loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và khi già đến, ta lại sầu bi than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn". Kẻ ấy phải bị già khi già đến,

sầu bi than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

3) Lại nữa này các Tỷ-kheo, với kẻ phàm phu không học phải bị bệnh và bệnh đến, với kẻ phàm phu không học phải bị chết và chết đến, với kẻ phàm phu không học phải bị hoại diệt và hoại diệt đến, với kẻ phàm phu không học phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, và khi tiêu diệt đến nó không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và

tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu bi than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Kẻ ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, sầu bi than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

4) Với vị Thánh đệ tử có học, này các Tỷ-kheo, phải bị già và già đến, và khi già đến vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến. Nhưng đối với các loài hữu tình đều phải bị già và già đến.

Ta lại sầu bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn". Vị ấy phải bị già, khi già đến không sầu, không bị, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học. Được nhổ lên là mũi tên sầu muộn, có tẩm thuốc độc, mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự mình làm ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử làm cho mình được hoàn toàn tịch tịnh.

5) Lại nữa này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử có học phải bị bệnh và bệnh đến, với vị Thánh đệ tử có học

phải bị chết và chết đến, với vị Thánh đệ tử có học phải bị hoại diệt và hoại diệt đến, với vị Thánh đệ tử có học phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, và khi tiêu diệt đến, vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu bi than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Vị ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, không sầu, không bi, không than

khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học. Được nhổ lên là mũi tên sầu muộn, có tẩm thuốc độc, mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự mình làm ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử làm cho chính mình được hoàn toàn tịch tịnh.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm sự kiện không thể có được, bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Chớ sầu chớ than khóc,

Lợi ích được thật ít,

Biết nó sầu nó khổ,

Kẻ địch tự vui sướng.

Do vậy bậc hiền trí,

Giữa các sự bất hạnh,

Không hoảng hốt run sợ,

Biết phân tích lợi ích.

Kẻ địch bị khổ não,

Thấy sắc diện không đổi,

Với tụng niệm văn chú,

Với lời thật khéo nói,

Với bố thí chân chánh,

Với truyền thống khéo giữ.

Chỗ nào được lợi ích,

Chỗ ấy gắng tinh cần.

Nếu biết lợi không được,

Cả ta và người khác,

Không sầu biết chịu đựng,

Mong vị ấy nghĩ rằng:

Nay ta phải làm gì?

Phải kiên trì thế nào?

Giảng:

Pāli tạng đối chiếu với Hán tạng sai khác rất nhiều. Hán tạng chỉ kể năm điều. Năm điều đó không ai chối cãi được, dù Phật ra đời hay không ra đời, năm điều đó cũng vậy. Muốn trừ năm điều ấy Phật dạy tu năm căn, nhưng tạng Pāli Phật dạy tu ngay năm điều đó.

Đầu tiên nói con người phải già, muốn khỏi già là một sự kiện không thể được. Người phàm phu khi già đến khóc than, khổ não, không biết già chẳng dành riêng cho ta, mà tất cả mọi người đều như thế. Nếu ai cũng chịu chung như mình thì có nên than không? Không. Người ta già mình cũng già, than chi. Than thở có thêm lợi gì đâu. Tâm sầu khổ càng ăn không

ngon, ngủ không yên, thân gầy yếu, già lại càng già. Nên nhớ già là hiện tượng chung, ai tới tuổi đó cũng phải già. Nếu buồn than chỉ tăng thêm khổ, làm phiền mọi người chung quanh. Phật bảo như thế giống như người bị trúng tên độc.

Ngược lại đệ tử Phật học rộng, biết nhiều, già không phải riêng cho ta, mà tất cả mọi người đều như thế. Do vậy già đến vui vẻ, bình thản, không khổ não. Do không khổ não nên ăn ngon, ngủ ngon. Bạn bè thân thuộc thấy mình vui vẻ, khỏe khoắn họ mừng. Như vậy tự mình đã có lợi và lợi cho cả những người thân. Rõ ràng nếu chúng ta tu đúng, tự làm cho mình bớt khổ, còn làm cho người thân được vui. Phật nói kẻ già đến mà vẫn an nhiên tự tại, đó là người tránh khỏi mũi tên độc.

Ai cũng tới ngày già, nhưng có người già thảm não như trúng mũi tên độc, có người già vẫn vui tươi, vì thoát mũi tên độc. Nếu biết rõ, nó đến an vui, bình tĩnh là không trúng tên độc. Như khi sắp chết mình giãy giụa, rên rỉ, người ghét tới thấy vậy họ cười: Hồi mạnh sống nói này nói nọ, giờ chết rên rỉ! Nếu lúc đó vẫn an nhiên, họ muốn chê cười cũng không được. Như vậy là mình đã thắng rồi. Bạn bè tới sẽ vui vì biết mình chết không rơi vào đường khổ. Nếu lăn lộn rên rỉ họ sẽ lo, thấy chưa có đạo lực chắc phải đi đường khổ. Những gì phải tới, mình đừng vì nó mà sanh thêm phiền não. Nếu phiền não là trúng tên độc, nếu an nhiên là tránh tên độc. Như vậy cũng năm việc, kẻ phàm phu gặp như trúng tên độc, người tu hành đàng hoàng như tránh được tên độc.

Trong kệ:

Chớ sầu chớ than khóc,

Lợi ích được thật ít,

Biết nó sầu nó khổ,

Kẻ địch tự vui sướng.

Do vậy bậc hiền trí,

Giữa các sự bất hạnh,

Không hoảng hốt run sợ,

Biết phân tích lợi ích.

Kẻ địch bị khổ não,

Thấy sắc diện không đổi,

Với tụng niệm văn chú,

Với lời thật khéo nói,

Với bố thí chân chánh,

Với truyền thống khéo giữ,

Chỗ nào được lợi ích,

Chỗ ấy gắng tinh cần

Nếu biết lợi không được,

Cả ta và người khác,

Không sầu biết chịu đựng,

Mong vị ấy nghĩ rằng:

Nay ta phải làm gì?

Phải kiên trì thế nào?

Phần kệ giải thích tương tự bên Hán tạng. Hai bài kinh đồng nói một sự việc nhưng dạy tu khác nhau.

Giải và Đối chiếu Kinh số 1, Phẩm An Ban (Hán tạng) với Đại Kinh Giáo Giới La Hầu La (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ đắp y ôm bát dẫn La vân vào cổng thành Xá-vệ. Khi ấy Phật quay nhìn phía hữu bảo La-vân:

- Nay Thầy nên quán sắc là vô thường.

La-vân đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn. Sắc là vô thường.

Thế Tôn bảo:

- La-vân! Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

La-vân đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn. Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Lúc này, tôn giả La-vân lại nghĩ: Đây có duyên cớ gì, mà nay mới đến cổng thành khất thực (phần vệ)... đang ở giữa đường. Cớ sao Thế Tôn lại đối diện dạy dỗ ta? Nay ta hãy trở về chỗ mình, chẳng nên vào thành khất thực.

Bấy giờ tôn giả La-vân giữa đường trở về tinh xá Kỳ Hoàn, đem y bát đến dưới gốc cây, chánh thân, chánh ý,

ngồi kiết-già, chuyên chú nhất tâm, niệm sắc là vô thường; niệm thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

Bấy giờ Thế Tôn ở thành Xá-vệ khất thực xong, sau khi ăn, đi kinh hành ở tinh xá Kỳ Hoàng dần dần đến chỗ La-vân. Đến rồi, Thế Tôn bảo La-vân rằng:

- Thầy nên tu hành pháp An-ban. Tu hành pháp này, hễ có ý tưởng sầu lo đều sẽ trừ hết. Nay Thầy lại nên tu hành tưởng nhơ nhớp bất tịnh, nếu có tham dục nên diệt trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên tu hành tâm từ, đã hành tâm từ thì hễ có sân giận đều sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm bi, đã hành tâm bi thì hễ có tâm hại ắt sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm hỷ, đã hành tâm hỷ thì

hễ có tâm tật đố đều sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm hộ (xả), đã hành tâm xả thì hễ có kiêu mạn ắt sẽ trừ diệt hết.

Bấy giờ Thế Tôn hướng về La-vân mà nói kệ:

Chớ khởi tưởng nghĩ luôn,

Hằng nên tự thuận pháp,

Như thế người có trí,

Tên tuổi được lan truyền.

Cầm đuốc sáng cho người,

Khổ ở tối tăm lớn,

Trời, rồng cung kính thờ,

Kính thờ bậc Sư trưởng.

Lúc này Tỳ-kheo La-vân lại dùng kệ đáp Thế Tôn:

Con không khởi trước tưởng,

Lại hằng thuận với pháp,

Như thế người có trí,

Thì hay thờ Sư trưởng.

Bấy giờ Thế Tôn dạy bảo xong, liền trở về tịnh thất. Lúc này tôn giả La-vân lại nghĩ: "Nay làm sao tu hành An-ban trừ bỏ được buồn lo, không có các tưởng?" Bấy giờ La-vân liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy và ngồi một bên. Chốc lát ngồi lui bạch Phật:

- Thế nào là tu hành An-ban trừ khử sầu lo không có các tưởng? Thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ?

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, La-vân! Thầy có thể ở trước Như Lai rống tiếng sư tử mà hỏi nghĩa này. Thế nào

là tu hành An-ban trừ bỏ sầu lo không có các tưởng, được đại quả báo, được vị cam lồ? La-vân! Nay Thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ vì Thầy phân biệt đầy đủ.

- Xin vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ tôn giả La-vân nhận lời Phật dạy, rồi Thế Tôn bảo:

- La-vân! Ở đây nếu có Tỳ-kheo vui ở chỗ vắng vẻ không người, rồi chánh thân, chánh ý, ngồi kiết-già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi, hơi thở ra dài biết thở ra dài, thở vào dài biết thở vào dài; thở ra ngắn cũng biết thở ra ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở ra lạnh, thở vào lạnh cũng biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở

vào ấm. Quán khắp thân thể thở vào, thở ra thảy đều biết hết. Lúc có thở cũng lại biết có, còn lúc không thở cũng lại biết không. Nếu hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra. Nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào. Như vậy, này La-vân! Người hay tu hành An-ban thì không có tưởng sầu lo não loạn, thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho La-vân rồi, La-vân liền từ chỗ ngồi đứng lên, lạy Phật, nhiễu ba vòng rồi đi; đến dưới gốc cây tại vườn An-đà, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi, thở ra dài cũng biết thở ra dài, thở vào dài cũng biết thở vào dài; thở ra ngắn cũng biết thở

ra ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở ra lạnh, thở vào lạnh cũng biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở vào ấm. Quán khắp thân thể, hơi thở ra vào thảy đều biết cả; lúc có hơi thở cũng lại biết có, lúc không hơi thở cũng lại biết không; nếu hơi thở từ tâm ra cũng lại biết từ tâm ra, nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào.

Bấy giờ La-vân tư duy như thế, dục tâm liền được giải thoát, không còn các điều ác, có giác, có quán, niệm hoan hỷ khinh an, lạc ở Sơ thiền. Có giác, có quán, trong tự quán hỷ, chuyên chú nhất tâm, nhập tam-muội không giác, không quán, niệm hỷ, lạc ở Nhị thiền. Không còn niệm hỷ, tự

giữ giác tri thân lạc, chỗ chư thánh thường cầu, xả niệm hỷ, dạo ở Tam thiền. Khổ vui kia đã diệt lại không sầu lo, không khổ không vui, xả (hộ) niệm thanh tịnh, lạc ở Tứ thiền. Do tam-muội này, tâm thanh tịnh không bụi dơ, thân thể nhu nhuyến; biết từ đâu đến, nhớ việc mình đã làm, tự biết việc túc mạng vô số kiếp, cũng biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, mấy ngàn vạn đời; kiếp thành, kiếp hoại; vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, ức năm không thể kể: "Ta từng sanh chỗ kia, tên gì, họ gì, ăn món ăn thế này, thọ khổ vui thế này; thọ mạng dài ngắn, *ở* kia chết, sanh ở đây, đây chết

sanh kia.” Ngài dùng tam-muội này tâm thanh tịnh không vết nhơ, cũng không có kiết sử, cũng biết chỗ khởi tâm của chúng sanh.

Ngài lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không vết nhơ quán chúng sanh, người sống, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường thiện, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu, điều làm, điều tạo; như thật rõ biết. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, phỉ báng hiền thánh, thường hành tà kiến, tạo hạnh tà kiến, thân hoại mạng chung vào trong địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, chẳng phỉ báng hiền thánh, hằng hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến, thân hoại mạng chung sanh chỗ

thiện lên trời. Đó là thiên nhãn thanh tịnh không vết nhơ, quán chúng sanh người sanh, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt, hoặc xấu, điều làm, điều tạo, như thật rõ biết, lại thêm bỏ ý, thành tựu tâm hết lậu hoặc.

Ngài quán sự khổ này, như thật mà biết. Ngài lại quán khổ tập, cũng biết khổ tận, cũng biết khổ xuất yếu, như thật rõ biết. Ngài do quán như thế, tâm dục lậu được giải thoát; liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, lại không còn thọ thân sau, như thật rõ biết. Lúc này tôn giả La-vân liền thành A-la-hán. Tôn giả La-vân đã thành A-la-hán, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục đến

chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Điều con cầu đã được, các lậu đã trừ sạch.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các vị đắc A-la-hán, không ai bằng La-vân. Các hữu lậu dứt hết cũng là Tỳ-kheo La-vân; luận về người trì cấm giới cũng là Tỳ-kheo La-vân. Vì sao thế? Vì chư Như Lai đẳng chánh giác đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-vân này. Ta muốn nói là con Phật cũng là Tỳ-kheo La-vân, thân chính từ Phật sanh, là bậc thượng của Pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của ta, đệ tử bậc nhất trì cấm giới là Tỳ-kheo La-vân.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Đầy đủ pháp cấm giới,

Các căn cũng thành tựu,

Dần dần sẽ đắc được,

Tất cả kiết sử hết.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Giảng:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ đắp y ôm bát dẫn La-vân vào cổng thành Xá-vệ. Khi ấy Phật quay nhìn phía hữu bảo La-vân;

- Nay Thầy nên quán sắc là vô thường.

La-vân đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn. Sắc là vô thường.

Thế Tôn bảo:

- La-vân! Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

La-vân đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn. Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Lúc này, tôn giả La-vân lại nghĩ: Đây có duyên cớ gì, mà nay mới đến cổng thành khất thực, đang ở giữa đường. Cớ sao Thế Tôn lại đối diện dạy dỗ ta? Nay ta hãy trở về chỗ mình, chẳng nên vào thành khất thực,

Bấy giờ tôn giả La-vân giữa đường trở về tinh xá Kỳ Hoàn, đem y bát đến dưới gốc cây, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết-già, chuyên chú nhất tâm, niệm sắc là vô thường; niệm thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

Theo phép khất thực của nhà Phật, hành giả phải nhìn về phía trước đi chậm rãi, không xoay qua xoay lại. Hôm nay không biết lý do gì, đi nửa đường đức Phật xoay qua gọi La-vân dạy, quán sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường. La-vân đặt nghi vấn, bình thường Thế Tôn không dạy dọc đường, khi lên tòa ngồi an ổn rồi mới dạy. Tại sao hôm nay Phật lại như vậy, chắc có ý riêng gì đây? Nghĩ thế rồi ngài không đi khất thực nữa, mà quay trở về thiền định.

Chúng ta thấy ngài La-vân can đảm và đặc biệt vô cùng. Thời đó không đi khất

thực là nhịn đói. Vậy mà khi nghe Phật dạy, Tôn giả thà nhịn đói trở về tinh xá nỗ lực thiền định. Chuyên tâm thiền quán năm uẩn vô thường, đó là bước đầu công phu tu hành của ngài.

Bấy giờ Thế Tôn ở thành Xá-vệ khất thực xong, sau khi ăn, đi kinh hành ở tinh xá Kỳ Hoàn, dần dần đến chỗ La-vân. Đến rồi, Thế Tôn bảo La-vân rằng:

- Thầy nên tu hành pháp An-ban. Tu hành pháp này, hễ có ý tưởng sầu lo đều sẽ trừ hết. Nay Thầy lại nên tu hành tưởng nhơ nhớp bất tịnh, nếu có tham dục nên diệt trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên tu hành tâm từ, đã hành tâm từ thì hễ có sân giận đều sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm bi, đã hành tâm bi thì hễ có tâm hại ắt sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm hỷ, đã hành tâm hỷ thì hễ có tâm tật đố đều sẽ trừ hết. La-vân! Nay

Thầy nên hành tâm hộ (xả), đã hành tâm xả thì hễ có kiêu mạn ắt sẽ trừ diệt hết.

Phật dạy ngài La-vân tu mấy pháp? Đầu tiên tu pháp An-ban, dịch âm Phạn là Ānāpāna. Tu pháp này sẽ dứt nghĩ tưởng buồn lo. Nói xong pháp ấy Phật dạy tu quán bất tịnh, kế hành tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả (hộ). Các bản xưa dịch xả là hộ.

Bấy giờ Thế Tôn hướng về La-vân mà nói kệ:

Chớ khởi tưởng nghĩ luôn,

Hằng nên tự thuận pháp,

Như thế người có trí,

Tên tuổi được lan truyền.

Cầm đuốc sáng cho người,

Khổ ở tối tăm lớn,

Trời, rồng cung kính thờ,

Kính thờ bậc Sư trưởng.

Phật dạy chớ khởi tư tưởng chấp trước, hằng tự thuận pháp là luôn luôn suy tư quán chiếu đúng chánh pháp. Người trí không khởi tăng trưởng chấp trước, hằng tự thuận pháp thì tiếng tốt đồn khắp. Bốn câu này Phật dạy La-vân dứt tư tưởng chấp trước, dồn hết tâm trí về chánh pháp, như vậy sẽ được tiếng tốt. Cầm đuốc sáng cho người, Phật dạy chư tăng phải nêu cao ngọn đuốc sáng, soi đường mở lối cho chúng sanh. Được vậy hàng trời rồng cung kính tôn làm Sư trưởng. Tăng là một trong ba ngôi báu, chính là những người cầm đuốc sáng phá tan mờ tối si mê, nỗi khổ lớn của chúng sanh. Nên biết tên Thường Chiếu tôi đặt ra cũng không ngoài tinh thần này.

Tỳ-kheo La-vân dùng kệ đáp lại Thế Tôn:

Con không khởi trước tưởng,

Lại hằng thuận với pháp,

Như thế người có trí,

Thì hay thờ Sư trưởng.

Lời đáp của ngài La-vân có ý nghĩa rất hay. Hai câu đầu lặp lại ý của Phật dạy, Tôn giả hứa sẽ dứt những tưởng đắm trước và hằng hướng tâm đến chánh pháp. Phật nói tu được như vậy thì trời rồng cung kính tôn làm thầy. Ngài thưa, con không nghĩ làm thầy ai, chỉ mong đền ân Phật, bậc thầy của con. Ý nghĩa cao đẹp nằm trong lời đáp này.

Bấy giờ Thế Tôn dạy bảo xong, liền trở về tịnh thất. Lúc này tôn giả La-vân lại nghĩ: "Nay làm sao tu hành An-ban trừ bỏ được buồn lo, không có các tưởng?" Bấy giờ La-vân liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi

đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy và ngồi một bên. Chốc lát ngồi lui bạch Phật:

- Thế nào là tu hành An-ban trừ khử sầu lo không có các tưởng? Thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ?

Câu nói Phật dạy hồi sáng ngài chưa hiểu, bây giờ cầu chỉ dạy thêm.

Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, La-vân! Thầy có thể ở trước Như Lai rống tiếng sư tử mà hỏi nghĩa này. Thế nào là tu hành An-ban trừ bỏ sầu lo không có các tưởng, được đại quả báo, được vị cam lồ? La-vân! Nay Thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ vì Thầy phân biệt đầy đủ.

Phật khen câu hỏi của La-vân giống như tiếng sư tử rống, sẽ giúp cho mọi người tu dứt khỏi trầm luân.

Thế Tôn bảo rằng: La-vân! Ở đây nếu có Tỳ-kheo vui ở chỗ vắng vẻ không người, rồi chánh thân, chánh ý, ngồi kiết-già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi, hơi thở ra dài biết thở ra dài, thở vào dài biết thở vào dài; thở ra ngắn cũng biết thở ra ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở ra lạnh, thở vào lạnh cũng biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở vào ấm. Quán khắp thân thể thở vào, thở ra thảy đều biết hết. Lúc có thở cũng lại biết có, còn lúc không thở cũng lại biết không. Nếu hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra. Nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào. Như vậy, này La-vân! Người hay tu hành An-ban thì không có tưởng sầu lo não loạn, thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho La-vân rồi, La-vân liền từ chỗ ngồi đứng lên, lạy Phật, nhiễu ba vòng rồi đi; đến dưới gốc cây tại vườn An-đà, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết-già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi.

Muốn tu thiền được kết quả tốt, một là ở chỗ vắng vẻ, hai là ngồi kiết-già ngay thẳng, ba là ý phải chân chánh, bốn là không có niệm khác. Người nào được bốn điều kiện này sẽ dễ vào định. Chúng ta có thể đạt được hai điều kiện trên, nhưng ý nhớ chuyện năm trên năm dưới hoài, thường có niệm khác nên tu lâu cũng chẳng đi tới đâu.

Buộc ý tại chót mũi, "hơi thở ra dài biết thở ra dài, thở vào dài biết thở vào dài; thở ra ngắn cũng biết thở ra ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở ra lạnh, thở vào lạnh cũng

biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở vào ấm. Quán khắp thân thể thở vào, thở ra thảy đều biết hết. Lúc có thở cũng lại biết có, còn lúc không thở cũng lại biết không. Nếu hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra. Nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào.

Phật dạy tu pháp An-ban là buộc tâm tại chót mũi, quán sát hơi thở ra vô dài ngắn nóng lạnh đều biết rõ. Quán hơi thở khắp toàn thân, thở ra thở vào, biết hơi thở từ tâm ra, có hay không đều biết rõ. Ở đây Phật dạy đơn giản, chỗ khác chia ra sáu thứ gọi là Lục diệu pháp môn, dịch từ chữ Ānāpāna. Lục diệu có: sổ tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Ngài La-vân đã thuần thục rồi nên ngồi yên chỗ vắng, tâm không niệm khác, mới ứng dụng được pháp này. Nếu ngồi nghĩ tứ tung ứng

dụng pháp này có kết quả không? Không. Nghĩ tứ tung thì phải bắt đầu từ sổ tức, kềm cho nó yên lại, dần dần mới ứng dụng tới chỗ này.

Hơi thở từ tâm ra biết hơi thở từ tâm ra, hơi thở từ tâm vào biết hơi thở từ tâm vào. Thế nào là hơi thở từ tâm ra, từ tâm vào? Những hành giả tu thuần, muốn dẫn hơi thở đi sâu tới đâu cũng được, hoặc rốn hoặc đan điền. Tâm dẫn hơi thở đi tới đâu thì hơi thở sẽ đi tới đó, gọi là hơi thở theo tâm vào và theo tâm ra. Chúng ta công phu còn kém, không để ý điều này nên không biết.

Bấy giờ La-vân tư duy như thế, dục tâm liền được giải thoát, không còn các điều ác, có giác, có quán niệm hoan hỷ khinh an lạc ở Sơ thiền. Nhờ ứng dụng tu hành giai đoạn đầu, ngài chứng được Sơ thiền.

Có giác, có quán, trong tự quán hỷ, chuyên chú nhất tâm, nhập tam-muội không giác, không quán, niệm hỷ, lạc ở Nhị thiền. Đi sâu hơn dứt được giác và quán, vào Nhị thiền.

Không còn niệm hỷ, tự giữ giác chi thân lạc, chỗ chư thánh thường cầu, xả niệm hỷ, dạo ở Tam thiền". Ly hỷ diệu lạc.

Khổ vui kia đã diệt lại không sầu lo, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, lạc ở Tứ thiền. Tu theo thứ tự như thế, ngài tiến dần lên Tứ thiền.

Do tam-muội này, tâm thanh tịnh không bụi dơ, thân thể nhu nhuyến; biết từ đâu đến, nhớ việc mình đã làm, tự biết việc túc mạng vô số kiếp, cũng biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, mấy ngàn vạn đời, kiếp thành, kiếp hoại;

vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, ức năm không thể kể: "Ta từng sanh chỗ kia, tên gì, họ gì, ăn món ăn thế này, thọ khổ vui thế này; thọ mạng dài ngắn, ở kia chết, sanh ở đây, đây chết sanh kia". Ngài dùng tam-muội này tâm thanh tịnh không vết nhơ, cũng không có kiết sử, cũng biết chỗ khởi tâm của chúng sanh.

Đến đây là chứng túc mạng minh. Người tu khi tâm thanh tịnh lặng lẽ, nhớ muôn ức kiếp về trước. Chúng ta tâm còn rối loạn nên chuyện hôm qua hôm kia cũng quên. Lúc chưa ngồi thiền tâm lăng xăng lộn xộn không nhớ, đến khi ngồi hơi yên một chút chuyện cũ hiện lên. Chừng nào hoàn toàn yên, sạch hết loạn tưởng sẽ nhớ vô số kiếp về trước. Nhớ vô số kiếp về trước gọi là túc mạng minh. Người tu thiền đừng sợ bỏ hết loạn tưởng sẽ ngu ngốc. Chính khi tất cả vọng tưởng điên

đảo lặng hết mới phát sáng trí tuệ, nhớ được vô số kiếp.

Đức Phật sống ở thế gian tám mươi tuổi, ngài không đọc sách triết học nói thế giới này có bao nhiêu thời kỳ, vậy mà một khi trí tuệ phát sáng ngài biết rõ từng giai đoạn thế giới thành, trụ, hoại, không. Có lần vào rừng với chúng Tỳ-kheo, ngài chỉ từ những lá úa vàng rơi rụng cho tới những đọt xanh tươi vừa đâm chồi trong rừng, rồi bảo: "Trong bầu vũ trụ này, có thế giới đang hoại, thế giới sắp hoại, có thế giới đang thành, thế giới sắp thành, nhiều giống như lá cây trong rừng". Trí tuệ của Phật thật siêu việt, trí thế gian không thể sánh kịp. Những điều Phật biết không do suy luận hoặc học hỏi, mà từ tâm thanh tịnh tự thấy tự biết. Nếu các nhà khoa học không chế được kính thiên văn thì làm sao con người biết được điều đó. Nếu có biết

chẳng qua chỉ biết vũ trụ và quả địa cầu theo kiểu trời tròn đất vuông. Trời giống như nắp vung che ở trên, đất giống như mảnh vuông nằm ở dưới.

Ngài lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không vết nhơ quán chúng sanh, người sống, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường thiện, đường ác, hoặc tốt, hoặc xấu, điều làm, điều tạo; như thật rõ biết. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, phỉ báng hiền thánh, thường hành tà kiến, tạo hạnh tà kiến thân hoại mạng chung vào trong địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, chẳng phỉ báng hiền thánh, hằng hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến thân hoại mạng chung sanh chỗ thiện lên trời.

Thấy chúng sanh luân hồi trong lục đạo theo nghiệp thiện ác là do thiên nhãn

thanh tịnh mà thấy, không do suy luận mà biết. Người đời suy lý tưởng tượng nói ra một lý thuyết nào đó, nên có thể đúng lúc này mà không đúng lúc khác. Phật do con mắt thanh tịnh thấy rõ như vậy nên luôn luôn đúng. Ngài nói: *Ta thấy chúng sanh luân hồi trong lục đạo như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, kẻ qua người lại thấy rõ không nghi ngờ.* Lý luân hồi do Phật thấy đúng như thật mà nói, dù ai cố tình bác bỏ, sự thật vẫn như vậy.

Sở dĩ chúng sanh luân hồi trên đường thiện hoặc đường ác là do ba nghiệp. Phật tử tu thì phải chuyển ba nghiệp ác thành ba nghiệp thiện. Không chịu tu mà chờ tới chết cầu nguyện sanh đường thiện, đó là một việc làm không đúng lẽ thật. Chúng ta không nên dạy Phật tử cúng dường chư tăng sẽ được phước đức vô lượng vô biên,

sau này sanh các cõi lành. Cúng chùa mà ai động tới chửi mắng um sùm thì có sanh cõi lành không? Không. Chuyển nghiệp là gốc, đừng ỷ lại sự cúng kính rồi không chịu tu. Cúng dường chư tăng là một trong những cách đền ân Tam bảo của người Phật tử. Hướng dẫn Phật tử tu là cách giáo hóa của chư tăng.

Đó là thiên nhãn thanh tịnh không vết nhơ, quán chúng sanh người sanh, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, điều làm, điều tạo, như thật rõ biết, lại thêm bỏ ý, thành tựu tâm hết lậu hoặc.

Ngài quán sự khổ này, như thật mà biết. Ngài lại quán khổ tập, cũng biết khổ tận, cũng biết khổ xuất yếu, như thật rõ biết. Ngài do quán như thế, tâm dục lậu được giải thoát; liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, lại không còn thọ

thân sau, như thật rõ biết. Lúc này tôn giả La-vân liền thành A-la-hán.

Tôn giả La-vân bỏ ăn, tu rút trong một bữa chứng A-la-hán, để thấy ngài đã thuần thục. Phật biết như thế nên trái với oai nghi bình thường, đang đi trên đường Phật xoay lại dạy La-vân. Ngài thông cảm liền nên nỗ lực tu, kết quả như ý.

Tôn giả La-vân đã thành A-la-hán, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Điều con cầu đã được, các lậu đã trừ sạch.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các vị đắc A-la-hán, không ai bằng La-vân. Các hữu lậu dứt hết cũng là Tỳ-kheo La-vân; luận về người trì cấm giới cũng là Tỳ-kheo La-vân.

Đọc những câu chuyện về ngài La-vân, khi còn bé thường quấy phá các thầy Tỳ-kheo, cho nên ở đây có người nghi tại sao Phật nói không ai giữ gìn cấm giới hơn Tỳ-kheo La-vân. Bởi vì Tỳ-kheo La-vân tu mật hạnh, bên ngoài thấy thô mà bên trong lại tế, bên ngoài đùa giỡn như trẻ con, nhưng bên trong giữ gìn giới luật rất tinh mật.

Chư Như Lai Đẳng chánh giác đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-vân này. Ta muốn nói là con Phật cũng là Tỳ-kheo La-vân, thân chính từ Phật sanh, là bậc thượng của Pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của ta, đệ tử bậc nhất trì cấm giới là Tỳ-kheo La-vân.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Đầy đủ pháp cấm giới,

Các căn cũng thành tựu,

Dần dần sẽ đắc được,

Tất cả kiết sử hết.

Phật bảo tôn giả La-vân đầu tiên gìn giữ cấm giới, kế đến điều phục các căn, dần dần dứt hết kiết sử chứng A-la-hán. Cho nên Phật tử là người từ pháp Phật tu hành ngộ đạo, chứ không phải do Phật sanh ra.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá Anāthapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Tôn giả Rāhula vào buổi sáng cũng đắp y, cầm bát, đi sau lưng Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi đưa mắt ngó xung quanh, bảo tôn giả Rāhula:

- Này Rāhula, bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta".

- Bạch Thế Tôn, có phải chỉ sắc mà thôi? Bạch Thiện Thệ, có phải chỉ sắc mà thôi?

- Cả sắc, này Rāhula; cả thọ, này Rāhula; cả tưởng, này Rāhula; cả hành, này Rāhula; và cả thức, này Rāhula.

Rồi tôn giả Rāhula tự nghĩ: "Ai có thể hôm nay được Thế Tôn trực tiếp giảng dạy với bài giáo giới, còn có thể đi vào làng để khất thực?" Rồi Tôn giả từ chỗ ấy đi trở lui về, ngồi xuống một gốc cây, kiết già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt.

Tôn giả Sāriputta thấy tôn giả Rāhula đang ngồi dưới một gốc cây, kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Sau khi thấy vậy, ngài nói với tôn giả Rāhula:

- Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập nhập tức xuất tức niệm (niệm hơi thở vô, hơi thở ra). Này Rāhula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn.

Rồi tôn giả Rāhula, vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Rāhula bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, niệm hơi thở vô hơi thở ra được tu tập như thế nào? Làm cho sung mãn, (pháp môn này) như thế nào là để được quả lớn, được lợi ích lớn?

- Này Rāhula, cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp

thủ; như vậy, này Rāhula, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Và này Rāhula, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Rāhula, thế nào là nội thủy giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm, niêm dịch, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước ở khớp

xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ; như vậy, này Rāhula, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Rāhula, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Rahula, thế nào là nội hỏa giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá

nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; này Rāhula, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới, và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị

ấy sanh yểm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Rāhula, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Rāhula, thế nào là nội phong giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ; này Rāhula, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ

như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Và này Rāhula, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Rāhula, thế nào là nội hư không giới? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn và được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được uống được giữ lại, và ngang qua

chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ; này Rāhula, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và những gì thuộc ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như đất. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, ví như trên đất người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ không tịnh, quăng phân uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy đất không lo âu, không dao động, hay không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập như đất. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như nước. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như nước, các xúc khả ái, không

khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, ví như trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ không tịnh, rửa sạch phân uế, rửa sạch nước tiểu, rửa sạch nước miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy nước không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như nước, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như lửa. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ không tịnh, đốt phân uế, đốt nước

tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ, đốt máu; tuy vậy lửa không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như gió. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, như gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ không tịnh, thổi phân uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mủ, thổi máu, tuy vậy gió không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái

được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rāhula, ví như hư không không bị trú tại một chỗ nào; cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về lòng từ. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc sân tâm sẽ được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về lòng bi. Này Rāhula,

do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc hại tâm sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về hỷ. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc bất lạc sẽ được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về xả. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc hận tâm sẽ được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về bất tịnh. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập về bất tịnh, cái gì thuộc tham ái được trừ diệt. Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về vô thường. Này Rāhula, do tu tập sự tu tập về vô thường, cái gì thuộc ngã mạn được trừ diệt.

Này Rāhula, hãy tu tập sự tu tập về niệm hơi thở vô hơi thở ra. Này Rāhula, do tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, nên được

quả lớn, được lợi ích lớn. Và này Rāhula, thế nào là tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn nên được quả lớn, được lợi ích lớn?

Ở đây, này Rahula, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Hay thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô," vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành (Cittasamkhāra), tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô",

vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, này Rāhula, làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn. Này Rāhula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, làm cho sung mãn như vậy, thời khi những hơi thở vô, hơi thở ra tối hậu chấm dứt, chứng

được giác tri, không phải không được giác tri.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rāhula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Giảng:

Hai bài kinh đồng sự kiện và nơi chốn nhưng lời dạy sai biệt khá nhiều.

1) Bên Hán tạng Phật dạy La-vân quán năm uẩn vô thường, bên Pāli tạng dạy quán năm uẩn vô ngã.

2) Bên Hán tạng khi Phật thọ trai xong, đi kinh hành tới chỗ La-vân ngồi tu dạy pháp An-ban. Bên Pali tạng khi La-vân trở về ngồi ở chỗ vắng, gặp ngài Xá-lợi-phất khuyên tu An-ban.

3) Bên Pāli nói về năm giới: đất, nước, gió, lửa và hư không. Năm giới này có trong thân chúng ta. Trước hết phân tích

trong cơ thể, những thứ cứng thuộc về đất, những thứ ướt thuộc về nước, những thứ ấm thuộc về lửa, những thứ chuyển động thuộc về gió, những chỗ trống thuộc về hư không. Như lỗ mũi nếu không trống thì không thở được, tai nghe cũng nhờ có khoảng trống. Miệng dẫn cơm để nhai, nhai rồi nuốt xuống, nuốt rồi dẫn ra đều nhờ những khoảng trống. Như vậy tất cả lưu chuyển được trong thân là do có khoảng trống, tức có hư không. Tóm lại, cơ thể nhờ có hư không mới hoạt động được. Đó là phân tích về năm giới. Sau đức Phật kết luận dạy tu năm giới này. Tu như thế nào?

Nói về đất. Chúng ta quăng vật do sạch gì, đất bên ngoài cũng không từ chối, nhưng đất trong thân động tới không chịu. Đã là đất thì đất ngoài đất trong gì cũng là đất, sao đất ở ngoài hiền từ, đất ở trong

động tới không chịu? Vì vậy Phật dạy phải quán thân này như đất bên ngoài, ai làm gì cũng tự nhiên, không tăng giảm.

Nói về nước. Nước ở ngoài rửa chân cũng được, uống cũng được, nhưng nước trong thân lại khó khăn hơn. Nước này chịu, nước khác không chịu.

Nói về gió. Gió ở ngoài dơ sạch gì cũng thổi, gió ở trong lựa mùi thơm mới chịu, còn hôi hám không chịu.

Nói về lửa. Lửa bên ngoài vật sạch dơ đều đốt không chọn lựa. Lửa bên trong chỉ đốt những gì thích hợp với nó.

Nói về hư không. Hư không bên ngoài không hề ngăn ngại chọn lựa. Vậy mà hư không trong thân lại chọn lựa. Những gì vừa ý, cho thông; không vừa ý, loại ra.

Phật muốn chỉ cho chúng ta thấy năm giới có sẵn nơi mình và có sẵn ngoài thiên

nhiên. Ngoài thiên nhiên nó không lựa chọn, vì sao vào thân lại lựa chọn? Cho nên phải tập quán năm giới trong thân như năm giới bên ngoài. Đoạn này bên Hán tạng không có.

Đoạn sau Phật dạy tu tập lòng từ giống với Hán tạng. Phần quán hơi thở bên Pāli hơi khác. Lục diệu pháp môn có sổ tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn, tịnh; bên Hán tạng dạy dừng tâm ở chót mũi, hơi thở ra vô lạnh ấm mình biết. Ở đây dạy hơi thở ra, hơi thở vô phải quán hoan hỷ, quán được giải thoát v.v... đều có quán. Vậy Lục diệu pháp môn ở Pāli nặng về quán. Nên nói quán đoạn diệt, ly tham...

Pāli có đoạn nói về năm giới nhưng không có phần tu chứng từ tam minh đến A-la-hán như bên Hán tạng.

Giải và Đối chiếu Kinh số 6, Phẩm Tứ Ý Đoạn (Hán tạng) với Kinh Già (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi đứng một bên, chốc lát lấy hai tay rờ chân Như Lai, rồi hôn lên chân Như Lai mà nói:

- Thân Thế Tôn vì sao thế này? Thân nhăn nheo quá, nay thân Như Lai chẳng bằng lúc xưa.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy A-nan, như lời Thầy nói. Nay thân Như Lai da thịt đã nhăn, thân chẳng như khi xưa. Sở dĩ như thế vì hễ có thân thể thì sẽ bị bệnh ép ngặt. Nếu đáng bệnh, chúng sanh sẽ bị bệnh làm khốn; đáng chết, chúng sanh sẽ bị chết bức bách. Hôm nay thân Như Lai đã suy vi, đã tám mươi tuổi rồi.

Tôn giả A-nan nghe xong, buồn khóc nghẹn ngào không nén được, bèn nói:

- Than ôi! Sự già đã đến đây rồi!

Bấy giờ, Thế Tôn đến giờ đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thế Tôn đi khất thực dần dần đến cung vua Ba-tư-nặc. Lúc ấy, trước cửa cung vua Ba-tư-nặc có mấy mươi chiếc xe hư cũ, bỏ ở một bên. Tôn giả A-nan

thấy xe bị vất bỏ một bên, liền bạch Thế Tôn:

- Xe này là xe của vua Ba-tư-nặc. Ngày xưa, lúc mới làm nó, trông hết sức đẹp đẽ tinh vi, nhưng ngày nay thì cùng màu với gạch đá.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, A-nan, như lời Thầy nói. Như nay xem các xe hiện có, ngày xưa cực kỳ đẹp đẽ tinh xảo, làm bằng vàng bạc, nhưng ngày nay hư hỏng, chẳng dùng được nữa, vật bên ngoài còn bại hoại như thế, huống là bên trong.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Ôi! Già, bệnh, chết này,

Hoại người sắc cực thịnh,

Lúc đầu rất thích ý,

Nay bị chết bức bách.

Tuy sẽ thọ trăm tuổi,

Rồi sẽ về với chết,

Chẳng khỏi hoạn khổ này,

Đều sẽ về đường này.

Như trong thân hiện có,

Bị bức bách của chết,

Các tứ đại bên ngoài,

Ắt hướng đến gốc không.

Thế nên cầu chẳng chết,

Chỉ có cõi Niết-bàn,

Cõi không chết, không sanh,

Đều không các hành này.

Bấy giờ Thế Tôn liền đến ngồi bên vua Ba-tư nặc. Vua Ba-tư-nặc dọn các thức ăn uống cho Thế Tôn. Thấy Thế

Tôn ăn xong, vua lại lấy một ghế nhỏ đến trước Thế Tôn ngồi, bạch Thế Tôn:

- Thế nào, bạch Thế Tôn, thân hình chư Phật đều là kim cương mà cũng sẽ bị già, bệnh, chết nữa sao?

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Đại vương, như lời Đại vương nói. Như Lai cũng sẽ có sanh, già, bệnh, chết. Nay ta cũng là con người, cha tên Tịnh Phạn, mẹ tên Ma-da, sanh ra từ dòng Chuyển luân thánh vương.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chư Phật hiện thân người,

Cha tên là Tịnh Phạn,

Mẹ tên Cực Thanh Diệu,

Dòng hào tộc Sát-lợi.

Đường chết rất khốn cùng,

Đều chẳng xét tôn ti,

Chư Phật còn chẳng khỏi,

Huống là kẻ phàm tục.

Thế Tôn lại thuyết kệ này cho vua Ba-tư-nặc:

Tế tự, lửa hơn hết,

Thi thơ, tụng là hơn,

Loài người, vua là quý,

Các dòng, biển là đầu.

Các sao, trăng hơn hết,

Ánh sáng, mặt trời hơn,

Trong tám phương, trên dưới,

Chỗ thế giới chuyên chở.

Trời và người ở đời,

Như Lai cao thượng nhất,

Ai muốn cầu phước lộc,

Nên cúng dường tam Phật.

Thế Tôn nói kệ này xong, liền từ tòa đứng dậy trở về tinh xá Kỳ Hoàn, đến tòa ngồi. Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn pháp ở thế gian được người yêu kính. Thế nào là bốn? Tuổi thiếu tráng được người đời yêu kính; không đau ốm được người yêu kính; sống lâu được người yêu kính; ân ái tụ hội được người yêu kính. Đó là, Tỳ-kheo, có bốn pháp này, người đời yêu kính.

Lại nữa, Tỳ-kheo, lại có bốn pháp, người đời không yêu kính. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo nên biết: tuổi thiếu

tráng, nếu lúc già bệnh người đời không vui; như người không bệnh, sau lại bị bệnh, người đời không vui; như được sống lâu, đến khi mạng hết, người đời không vui; ân ái được sum họp đến sau ly biệt, người đời không vui.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn pháp này cùng đời xoay vần. Chư thiên, người đời cho đến Chuyển luân thánh vương, chư Phật, Thế Tôn đều có pháp này. Đó là, Tỳ-kheo, thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển. Nếu không biết bốn pháp này, thì liền lưu chuyển trong sanh tử, khắp trong năm đường. Thế nào là bốn? Là Giới hiền thánh, Tam-muội hiền thánh, Trí tuệ hiền thánh, Giải thoát hiền thánh. Đó là này Tỳ-kheo, có bốn

pháp này nếu người không hiểu biết sẽ chịu bốn pháp trên. Nay ta và các Thầy vì giác tri bốn pháp hiền thánh này mà cắt đứt rễ sanh tử, không thọ thân sau nữa. Như nay thân hình của Như Lai già suy, sẽ chịu quả báo suy hao này. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên cầu Niết-bàn vĩnh tịch, chẳng sanh, chẳng già, không bệnh, không chết; ân ái biệt ly thường nghĩ sự biến đổi vô thường. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Giảng:

Bài kinh này có tên Già vì nói về đức Phật lúc tuổi già, đọc rất cảm động.

Bấy giờ tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi đứng một bên, chốc lát lấy

hai tay rờ chân Như Lai, rồi hôn lên chân Như Lai mà nói:

- Thân Thế Tôn vì sao thế này? Thân nhăn nheo quá, nay thân Như Lai chẳng bằng lúc xưa.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy A-nan, như lời Thầy nói. Nay thân Như Lai da thịt đã nhăn, thân chẳng như khi xưa. Sở dĩ như thế vì hễ có thân thể thì sẽ bị bệnh ép ngặt. Nếu đáng bệnh, chúng sanh sẽ bị bệnh làm khốn; đáng chết, chúng sanh sẽ bị chết bức bách, Hôm nay thân Như Lai đã suy vi, đã tám mươi tuổi rồi.

Tôn giả A-nan nghe xong, buồn khóc nghẹn ngào không nén được, bèn nói:

- Than ôi! Sự già đã đến đây rồi!

Lúc đó có lẽ Phật ngồi phơi nắng, ngài A-nan thấy da thịt nhăn nheo nên cảm

động, tuy đã hiểu đạo nhưng vẫn xót xa than thở.

Đức Phật tu hành qua bao nhiêu kiếp có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thật là cao quý. Tới già những tướng đó cũng không còn. Tất cả phước đức kết tụ lại thành tướng tốt không như thế mãi mãi. Cũng thế, con người có thân đều bị bệnh ép ngặt, bị chết áp bức, chứ không bình an mãi mãi, dù là thân Phật cũng vậy. Chúng ta tu đừng tham muốn đời sau được giàu sang đẹp đẽ. Những thứ đó không bền.

Bấy giờ, Thế Tôn đến giờ đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thế Tôn đi khất thực dần dần đến cung vua Ba-tư-nặc. Lúc ấy, trước cửa cung vua Ba-tư-nặc có mấy mươi chiếc xe hư cũ, bỏ ở một bên. Tôn giả A-nan thấy xe bị hư vất bỏ một bên, liền bạch Thế Tôn:

- Xe này là xe của vua Ba-tư-nặc. Ngày xưa, lúc mới làm nó, trông hết sức đẹp đẽ tinh vi, nhưng ngày nay thì cùng màu với gạch đá.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, A-nan, như lời Thầy nói. Như nay xem các xe hiện có, ngày xưa cực kỳ đẹp đẽ tinh xảo, làm bằng vàng bạc, nhưng ngày nay hư hỏng, chẳng dùng được nữa, vật bên ngoài còn bại hoại như thế, huống là bên trong.

Ngày xưa khi xe mới đóng, sơn vàng phết bạc rất đẹp đẽ, ai thấy cũng thích cũng nhìn. Đến lúc hư hoại trở thành đống phế liệu không ai thèm nhìn. Phật nói ngoại vật còn bại hoại như thế huống là nội thân. Chiếc xe còn cũ huống nữa là người. Như ông Kiến Chánh trong chùa mình, trước đây năm mươi năm có như vầy không? Không. Da dẻ mịn màng tươi

tắn, đi đứng mạnh khoẻ vững vàng. Sau năm mươi năm cộng với hai mươi năm trước nữa, không còn như vậy.

Tuổi trẻ đi qua tuổi già đến không ai thoát được. Cho nên trong lúc đang thời trẻ trung phải nhớ ngày mai mình sẽ già, sẽ lọm khọm nên không tự hào, không ỷ lại hay phách lối, cảm thông được với người già. Ngược lại thấy người già sơ suất, lẩm cẩm, mình chê trách không thông cảm, ngày mai chưa biết tới lượt mình có tệ hơn không?

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Ôi! Già, bệnh, chết này,

Hoại người sắc cực thịnh,

Lúc đầu rất thích ý,

Nay bị chết bức bách.

Hồi còn xuân trẻ vui lắm, hăng hái hoạt động đủ thứ, nay chơi chỗ này mai

dạo chỗ kia. Đến khi già không muốn đi đâu.

Tuy sẽ thọ trăm tuổi,

Rồi sẽ về với chết,

Chẳng khỏi hoạn khổ này,

Đều sẽ về đường này.

Dù cho người thế gian đặt trăm năm mới kết thúc một đời người, nhưng rồi cũng chết, vì không ai tránh khỏi nạn khổ này.

Như trong thân hiện có,

Bị bức bách của chết,

Các tứ đại bên ngoài,

Ắt hướng đến gốc không.

Các vật ở trong như đất nước gió lửa cũng bị chết đuổi gấp. Tứ đại bên ngoài cũng luôn luôn biến đổi như nhà cửa, xe cộ v.v...

Thế nên cầu chẳng chết,

Chỉ có cõi Niết-bàn,

Cõi không chết, không sanh,

Đều không các hành này.

Muốn thoát khỏi sanh già bệnh chết, chỉ có Niết-bàn mới là cứu cánh ra khỏi chết sống.

Bấy giờ Thế Tôn liền đến ngồi bên vua Ba-tư nặc. Vua Ba-tư-nặc dọn các thức ăn uống cho Thế Tôn. Thấy Thế Tôn ăn xong, vua lại lấy một ghế nhỏ đến trước Thế Tôn ngồi, bạch Thế Tôn:

- Thế nào, bạch Thế Tôn, thân hình chư Phật đều là kim cương mà cũng sẽ bị già, bệnh, chết nữa sao?

Các kinh Đại thừa nói thân Phật là thân kim cương, ai nói Phật già chết là thiên kiến hay tà kiến. Phải hiểu thân

kim cương của Đại thừa là pháp thân, chứ không phải thân tứ đại.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Đại vương, như lời Đại vương nói. Như Lai cũng sẽ có sanh, già, bệnh, chết. Nay ta cũng là con người, cha tên Tịnh Phạn, mẹ tên Ma-da, sanh ra từ dòng Chuyển luân thánh vương.

Phật xác nhận ngài là người như bao nhiêu người có cha, có mẹ, có dòng họ đàng hoàng, không phải khác người bình thường. Đó là lẽ thật.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chư Phật hiện thân người,

Cha tên là Tịnh Phạn,

Mẹ tên Cực Thanh Diệu,

Dòng hào tộc Sát-lợi.

Đường chết rất khốn cùng,

Đều chẳng xét tôn ti,

Chư Phật còn chẳng khỏi,

Huống là kẻ phàm tục.

Phật sanh trong đời làm người có cha tên Tịnh Phạn, mẹ tên Cực Thanh Diệu (dịch chữ Ma-da), dòng Sát-đế-lợi quý tộc. Đức Phật tu hành phước đức được thân đẹp đẽ như vậy vẫn không khỏi chết, huống nữa người phàm tục như chúng ta, có ai thoát được. Chết là quy luật chung, không lựa người sang kẻ hèn. Có sanh là có tử, luôn luôn như thế.

Thế Tôn lại thuyết kệ này cho vua Ba-tư-nặc:

Tế tự, lửa hơn hết,

Thi thơ, tụng là hơn,

Loài người, vua là quý,

Các dòng, biển là đầu.

Các sao, trăng hơn hết,

Ánh sáng, mặt trời hơn.

Theo tục lệ tế tự của Ấn Độ, thờ lửa là cao hơn hết. Trong thi thơ, tụng là hơn hết. Trong loài người, vua là hơn hết. Trong các sông, biển là hơn hết. Trong các sao, trăng tỏ hơn hết. Trong ánh sáng, mặt trời hơn hết. Trong trời người, Phật hơn hết.

Trong tám phương, trên dưới,

Chỗ thế giới chuyên chở.

Trời và người ở đời,

Như Lai cao thượng nhất.

Ai muốn cầu phước lộc,

Nên cúng dường tam Phật.

Câu Trời và người ở đời, Như Lai cao thượng nhất cũng giống câu Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn, nghĩa là trên trời dưới trời Như Lai hơn hết. Hai câu

dưới khuyên người cầu phước lộc phát tâm cúng dường chư Phật. Có thể người sau thêm hai câu này, chứ đức Phật thường không bảo như thế.

Thế Tôn nói kệ này xong, liền từ tòa đứng dậy trở về tinh xá Kỳ Hoàn, đến tòa ngồi. Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn pháp ở thế gian được người yêu kính. Thế nào là bốn? Tuổi thiếu tráng được người đời yêu kính; không đau ốm được người yêu kính; sống lâu được người yêu kính; ân ái tụ hội được người yêu kính. Đó là, Tỳ-kheo có bốn pháp này, người đời yêu kính.

Bốn điều này ai cũng ưa thích. Thời tráng niên trẻ khỏe nên yêu thích. Nói tới đây tôi thấy tội nghiệp cho người già, tội nghiệp cho tôi, tội nghiệp cho ông Trụ trì. Trụ trì lâu lâu nói năm nay yếu quá, tụng kinh không nổi. Nói vậy là năm nay thua

năm trước, vì già nên phải thua. Hồi trước tụng kinh đều đều không mệt, bây giờ tụng mệt, không bằng lúc trước nên cảm thấy buồn. Nhiều vị khác cũng vậy: "Thưa Thầy năm nay con tệ quá, những năm trước đâu có vậy!" Khi nói dở hơn trước là chứng tỏ trước hay, nên có niệm tiếc nuối. Dù không than vãn như người đời: "Tiếc quá, thời niên thiếu không còn nữa" nhưng ai cũng quý thời niên tráng, làm mọi việc không bị trở ngại.

Có ai thích bệnh hoạn không? Bởi không thích nên khi bị bệnh thì than: "Tại sao bệnh hoài!". Đó là không ưa bệnh. Có muốn sống lâu không? Chắc cũng muốn. Có muốn người mình thương được ở gần không? Muốn. Đó là những ưa muốn của người đời. Trong đạo cũng vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo, lại có bốn pháp, người đời không yêu kính. Thế nào là bốn?

Tỳ-kheo nên biết: tuổi thiếu tráng, nếu lúc già bệnh người đời không vui; như người không bệnh, sau lại bị bệnh, người đời không vui; như được sống lâu, đến khi mạng hết, người đời không vui; ân ái được sum họp đến sau ly biệt, người đời không vui.

Những thứ chúng ta không muốn mà nó cứ đến nên khổ. Bốn thứ này người ta không muốn nhưng nó vẫn đến nên con người đau khổ. Cuộc sống là khổ không bao giờ như ý được. Thế nên Phật dạy tu:

Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn pháp này cùng đời xoay vần. Chư thiên, người đời cho đến Chuyển luân thánh vương, chư Phật, Thế Tôn đều có pháp này. Đó là, Tỳ-kheo, thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển.

Nếu không biết bốn pháp này, thì liền lưu chuyển trong sanh tử, khắp trong

năm đường. Thế nào là bốn? Là Giới hiền thánh, Tam-muội hiền thánh, Trí tuệ hiền thánh, Giải thoát hiền thánh. Đó là này Tỳ-kheo, có bốn pháp này nếu người không hiểu biết sẽ chịu bốn pháp trên. Nay ta và các Thầy vì giác tri bốn pháp hiền thánh này mà cắt đứt rễ sanh tử, không thọ thân sau nữa.

Bốn pháp là: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát. Tại sao lại thêm hai chữ hiền thánh? Nếu giới của ngoại đạo, tà giáo thì đâu thể giải thoát nên phải là hiền thánh giới. Giới của hiền thánh đem lại sự an lạc, thí dụ như người giữ giới không trộm cắp, có đem lại sự an lạc cho mình cho người không? Muôn đời an lạc. Như người giữ giới đứng một chân hoặc nằm dưới đất tro có an lạc không? Chỉ khổ chứ không lợi ích gì. Như người giữ giới bệnh không uống thuốc có an lạc không? Đó là cực đoan.

Như vậy rõ ràng giới hiền thánh là giới lợi ích thiết thực cho mọi người, còn giới của ngoại đạo chỉ gây thêm khổ thôi. Nhiều người tu theo ngoại đạo cũng được định nhưng chỉ là định của ngoại đạo, không giống định tuệ hiền thánh, giải thoát hiền thánh. Được bốn pháp này mới đoạn cội gốc sanh tử, không còn thọ thân sau.

Có người hỏi Phật đi tu cốt để giải quyết sanh già bệnh chết, tại sao ngài cũng già, cũng chết? Như vậy giải thoát chỗ nào? Phật nói đoạn được cội gốc sanh tử không còn thọ thân sau. Thân hiện tại tất nhiên từ nhân đi tới quả, nếu dứt nhân thì quả không còn, giải thoát sanh tử là giải thoát của đời sau, không phải trong đời này. Dứt được nhân sanh thì nhân tử không còn. Đó là giải thoát cội gốc sanh tử, chứ không phải giải thoát thân quả báo sanh tử.

Như nay thân hình của Như Lai già suy, sẽ chịu quả báo suy hao này. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên cầu Niết-bàn vĩnh tịch, chẳng sanh, chẳng già, không bệnh, không chết; ân ái biệt ly thường nghĩ sự biến đổi vô thường. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Tướng già suy là quả báo, không phải nhân. Nên các Tỳ-kheo phải cầu Niết-bàn tịch tĩnh, chẳng sanh già bệnh chết, chẳng ân ái biệt ly. Bài kinh này diễn tả nhân hình ảnh đức Phật già, ngài A-nan mới buồn. Thế Tôn nhân đó nói con người sanh ra phải già bệnh chết. Tu hành phước đức có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp như Phật cũng phải già chết, không ai tránh khỏi.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Pubārāma, trong lâu đài của mẹ Migāra.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư đứng dậy, ngồi sưởi ấm lưng trong ánh nắng phương tây.

3) Rồi tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, với tay xoa bóp chân tay cho Thế Tôn, thưa rằng:

- Thật kinh hoàng thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ dị thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, màu da Thế Tôn nay không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời, nhăn nheo, thân được

thấy còm về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỹ căn, thiệt căn, thân căn.

4) - Sự thể là vậy, này Ananda, tánh già này nằm trong tuổi trẻ; tánh bệnh ở trong sức khỏe; tánh chết ở trong sự sống. Như vậy, màu da không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời, nhăn nheo, thân còm về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỹ căn, thiệt căn, thân căn.

5) Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo sư lại nói thêm:

Bất hạnh thay tuổi già!

Đáng sợ thay cuộc sống!

Tuổi già làm phai nhạt,

Sắc diện của màu da.

Hình bóng trước khả ý,

Nay già đã phá tan!

Ai sống được trăm tuổi,

Cuối cùng cũng phải chết,

Không bỏ sót một ai,

Tất cả bị phá sập.

Giảng:

Chiều Phật ngồi phơi nắng, ngài A-nan tới xoa bóp tay chân cho đức Phật rồi thưa, hồi xưa thân của Phật thanh tịnh, trong sáng, bây giờ không còn nữa. Các bộ phận đã thay đổi, mắt mờ, tai lãng, răng rụng... Phật xác nhận sự thể là vậy. Chính tuổi trẻ đã chứa sẵn tuổi già, nếu không sẵn thì dù thời gian trôi qua cũng đâu có già. Bệnh tật có sẵn trong sức khỏe, khi nào đủ duyên nó phát ra. Chết trong sự

sống, nếu không có sống làm gì có chết, thành ra cái chết đã ẩn trong sự sống

Bậc Thiện Thệ nói thêm:

Bất hạnh thay tuổi già!

Đáng sợ thay cuộc sống!

Tuổi già làm phai nhạt,

Sắc diện của màu da,

Hình bóng trước khả ý,

Nay già đã phá tan!

Ai sống được trăm tuổi,

Cuối cùng cũng phải chết.

Không bỏ sót một ai,

Tất cả bị phá sập.

Già là điều bất hạnh chứ không sung sướng gì. *Đáng sợ thay cuộc sống* nghĩa là cuộc sống tạm bợ đáng sợ. Tuổi già khiến cho sắc diện của màu da phai nhanh. Tuổi

trẻ da mịn láng, già da xù xì, nhăn nheo. Hình bóng khi trẻ đẹp đẽ dễ coi, khả ý, nay già nhăn nheo khổ sở, không còn đẹp nữa. Ai sống được một trăm tuổi cuối cùng cũng phải chết, tất cả đều bị cái chết tiêu hủy, kể cả thân tứ đại của đức Phật cũng không ngoại lệ.

Bài kinh bên Pāli tạng nói thêm ý nghĩa trước, nhưng không dạy rõ lối tu.

Giải và Đối chiếu Kinh số 9, Phẩm Tà Tụ (Hán tạng) với Kinh Ananda (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ A-nan, Đa-kỳ-xà đến giờ đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Khi ấy Đa-kỳ-xà trong một ngõ thấy một cô gái hết sức đoan chánh, đặc biệt ở đời; thấy rồi lòng dạ rối bời, không như bình thường. Khi ấy Đa-kỳ-xà dùng kệ nói với A-nan:

Bị lửa dục thiêu đốt,

Tâm ý rất hừng hừng,

Mong thuyết diệt nghĩa này,

Có được nhiều lợi ích.

A-nan lại dùng kệ đáp:

Biết dục, pháp điên đảo,

Tâm ý rất hừng hừng,

Nên trừ niệm tưởng tượng,

Ý dục liền tự thôi.

Đa-kỳ-xà lại dùng kệ nói:

Tâm là gốc của hình,

Mắt là nguồn của hầu,

Nằm ngủ thấy nâng đỡ,

Hình như cỏ rối úa.

Tôn giả A-nan tức thời tiến lên, lấy tay mặt xoa đầu Đa-kỳ-xà, nói kệ:

Niệm Phật không tham dục,

Độ dục của Nan-đà,

Thấy trời, hiện địa ngục,

Ngừa ý, lìa năm đường.

Đa-kỳ-xà nghe tôn giả A-nan nói xong, liền nói:

- Thôi, thôi, A-nan.

Hai vị cùng khất thực xong, trở về chỗ Thế Tôn. Khi đó cô gái từ xa thấy Đa-kỳ-xà liền cười.

Đa-kỳ-xà thấy cô gái cười, liền sanh ý nghĩ này: "Nay cô thân hình do xương lập với da bọc cũng như hình vẽ trong đó chứa đầy bất tịnh, dối gạt người đời, khiến phát loạn tưởng".

Bấy giờ tôn giả Đa-kỳ-xà quán cô gái ấy từ đầu đến chân: "Trong thân thể này có gì đáng tham, ba mươi sáu

vật thảy đều bất tịnh. Nay các vật này từ đâu sanh?"

Tôn giả Đa-kỳ-xà lại nghĩ: "Nay ta quán thân hình cô ta chẳng bằng tự quán trong thân mình. Dục này từ đâu sanh? Từ đất sanh chăng? Từ nước, lửa, gió sanh chăng? Nếu từ đất sanh, đất cứng cỏi không thể tan hoại; nếu từ nước sanh, nước hết sức mềm nhuyễn không thể gìn giữ; nếu từ lửa sanh, lửa không thể gìn giữ; nếu từ gió sanh, gió không hình tướng, không thể gìn giữ." Tôn giả liền nghĩ: "Dục này chỉ từ tư tưởng sanh."

Bấy giờ ngài liền nói kệ:

Dục, ta biết gốc ngươi,

Chỉ do tư tưởng sanh,

Ta không tư tưởng ngươi,

Thì ngươi không có được.

Tôn giả Đa-kỳ-xà nói kệ này rồi càng suy nghĩ về tưởng bất tịnh. Ngay chỗ đó, tâm hữu lậu được giải thoát.

A-nan và Đa-kỳ-xà ra khỏi thành La-duyệt, về chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi ấy tôn giả Đa-kỳ-xà bạch Thế Tôn:

- Nay con chóng được lợi lành, đã có điều giác.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy tự giác thế nào?

Đa-kỳ-xà bạch Phật:

- Sắc không bền chắc cũng không kiên cố, chẳng thể thấy, huyễn ngụy chẳng chân. Thọ không bền chắc cũng không kiên cố, cũng như bọt nước, huyễn ngụy chẳng chân. Tưởng

không bền chắc cũng không kiên cố, huyễn ngụy chẳng chân, cũng như sóng nắng. Hành cũng không chắc, không kiên cố, cũng như cây chuối không có thật. Thức không chắc, cũng không kiên cố, huyễn ngụy chẳng chân.

Tôn giả lại bạch Phật:

- Ngũ thạnh ấm này không chắc cũng không kiên cố, huyễn nguy chẳng chân.

Tôn giả Đa-kỳ-xà liền nói kệ:

Sắc giống như đám bọt,

Thọ như là bong bóng,

Tưởng tự như sóng nắng,

Hành như là cây chuối,

Thức là pháp huyễn hóa.

Bậc Tối Thắng thường nói,

Suy nghĩ như thế rồi,

Quán hết thảy các hành,

Tất cả đều không tịch,

Không có thật chân chánh,

Đều do thân này sanh.

Đấng Thiện Thệ thường nói,

Nên đoạn diệt ba pháp,

Thấy sắc hằng bất tịnh,

Thân này là như thế,

Huyễn ngụy chẳng chân thật.

Chúng đều là pháp hại,

Ngũ ấm chẳng bền chắc,

Đã hiểu chẳng chân thật,

Nay mau tiến bước lên.

Như thế, bạch Thế Tôn! Nay chỗ hiểu của con chính là vậy.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Đa-kỳ-xà! Khéo hay quán sát gốc của năm thạnh ẩm này. Nay Thầy nên biết, phàm là người tu hành nên quán sát gốc của năm ấm này đều chẳng kiên cố. Vì sao như thế? Ngay lúc quán sát năm thạnh ấm này, ta ở dưới cây Bồ-đề thành Vô thượng Chánh đẳng giác, cũng như Thầy quán hôm nay.

Lúc thuyết pháp này có năm mươi Tỳ-kheo, ngay chỗ ngồi được lậu tận, ý giải.

Khi ấy, tôn giả Đa-kỳ-xà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

Giảng:

Ngài A-nan và Đa-kỳ-xà vào thành khất thực, tôn giả Đa-kỳ-xà đi giữa đường thấy cô gái đẹp, tâm ý rối loạn, mất bình tĩnh. Người ta chưa động tới đã mất bình tĩnh rồi. Bấy giờ ngài liền cầu cứu.

Tôn giả Đa-kỳ-xà liền hướng về A-nan nói kệ:

Bị lửa dục thiêu đốt,

Tâm ý rất hừng hừng,

Mong thuyết diệt nghĩa này,

Có được nhiều lợi ích.

Ngài rất thật thà, dở nói dở. Tôi đang bị lửa dục thiêu đốt, tâm ý rối loạn, xin Sư huynh giúp tôi diệt bệnh để được lợi ích. Ngài A-nan liền nói:

Biết dục, pháp điên đảo,

Tâm ý rất hừng hừng,

Nên trừ niệm tưởng tượng,

Ý dục liền tự thôi.

Thầy biết dục là pháp điên đảo, làm cho tâm ý rối loạn thì đừng nghĩ tưởng tới nó nữa, nghĩ tưởng tự dứt. Ngài Đa-kỳ-xà liền nói kệ:

Tâm là gốc của hình,

Mắt là nguồn của hầu,

Nằm ngủ thấy nâng đỡ,

Hình như cỏ rối úa.

Tâm là gốc của hình, tức tâm là chủ của thân. Mắt là nguồn của hầu, hầu là tâm. Mắt thấy rồi dẫn tâm chạy. Tâm đang ngủ yên, mắt vừa thấy sắc liền chạy theo, dấy lên. Mắt thấy người đẹp, tâm chạy theo làm cho mình rối loạn tơi bời, như cỏ héo rối. Ngài A-nan thấy Sư đệ yếu đuối quá, liền tiến tới trước xoa đầu Đa-kỳ-xà an ủi:

Niệm Phật không tham dục,

Độ dục của Nan-đà,

Thấy trời, hiện địa ngục,

Ngừa ý, lìa năm đường.

Ngài khuyên ráng nhớ Phật, tham dục sẽ hết. Vì sao? Vì ngày xưa Phật dùng phương tiện độ Nan-đà, nhờ vậy mà Nan-đà thoát khỏi lửa dục. Tôn giả Đa-kỳ-xà nghe tôn giả A-nan nói rồi liền bảo: Thôi! Thôi! A-nan, cùng đi khất thực xong rồi, trở về chỗ Thế Tôn sẽ hay.

Cứ đi khất thực mà có được yên đâu! Lúc ấy, cô gái kia xa thấy Đa-kỳ-xà liền cười, làm cho ngài rối thêm nữa. Tôn giả Đa-kỳ-xà liền sanh tưởng niệm này: Nay hình thể của ngươi là xương cứng bọc da, cũng như hình vẽ, bên trong chứa đồ nhơ nhớp mê hoặc người đời, khiến phát cuồng loạn. Thân ngươi như cái bộ nhơ nhớp, vẻ

ngoài sang trọng nhưng bên trong hết sức bẩn thỉu. Ngài không còn mê đắm chạy theo nữa mà dùng trí tuệ chiếu phá.

Tôn giả Đa-kỳ-xà quán cô gái kia từ đầu đến chân, trong hình thể này có gì đáng tham? Từ đầu đến chân chỉ là một đống nhớp nhúa, ba mươi sáu vật thảy đều bất tịnh. Các vật này từ đâu sanh? Tôn giả Đa-kỳ-xà lại nghĩ: Ta nay quán hình kẻ khác không bằng tự quán trong thân. Quán người ta đâu bằng quán bất tịnh ngay nơi mình. Dục này từ đâu sanh? Căn cứ vào tứ đại, tham dục từ đất sanh chăng, từ nước, từ lửa sanh chăng? Nếu từ đất sanh thì không thể phá hoại vì đất cứng. Nếu từ nước sanh thì nước mềm yếu không thể gìn giữ. Nếu từ lửa sanh thì cháy rụi cũng không thể giữ được. Nếu từ gió sanh thì gió vô hình làm sao sanh được?

Xét bốn đại, không đại nào có dục hết. Vậy dục từ đâu ra?

Lúc ấy, Tôn giả nghĩ chỉ từ tư tưởng sanh. Như vậy, tứ đại không có sanh dục, do tư tưởng sanh. Nên ngài nói kệ:

Dục, ta biết gốc ngươi,

Chỉ do tư tưởng sanh,

Ta không tư tưởng ngươi,

Thì ngươi không có được.

Tôn giả Đa-kỳ-xà nói kệ này lại suy xét về bất tịnh, liền ngay đó tâm hữu lậu được giải thoát. Như thế là chuyển bại thành thắng. Lúc đầu thấy như bại trận, tới đây chuyển bại thành thắng liền giải thoát dục lậu. Thật là khéo! Chỉ trong một buổi đi khất thực đã thành công.

Tôn giả A-nan và Đa-kỳ-xà ra khỏi thành La-duyệt, về chỗ Thế Tôn, cúi lạy

rồi ngồi một bên. Khi ấy tôn giả Đa-kỳ-xà bạch Thế Tôn:

- Nay con chóng được lợi lành, đã có điều giác.

Phật hỏi Đa-kỳ-xà tự giác thế nào? Tôn giả bạch: Sắc không lâu dài cũng không bền chắc, không thể xem thấy, giả dối không thật. Tức là thấy rõ thân năm uẩn là không thật. Thọ không lâu dài cũng không bền chắc, như bong bóng nước, giả dối không thật... Tôn giả Đa-kỳ-xà nói kệ:

Sắc giống như đám bọt,

Thọ như là bong bóng,

Tưởng tợ như sóng nắng,

Hành như là cây chuối,

Bậc Tối Thắng thường nói,

Suy nghĩ như thế rồi,

Quán hết thảy các hành,

Thức là pháp huyễn hoá.

Tất cả đều không tịch,

Không có thật chân chánh,

Đều do thân này sanh.

Đấng Thiện Thệ thường nói,

Nên đoạn diệt ba pháp,

Thấy sắc hằng bất tịnh,

Thân này là như thế,

Huyễn ngụy chẳng chân thật.

Chúng đều là pháp hại,

Ngũ ấm chẳng bền chắc,

Đã hiểu chẳng chân thật,

Nay mau tiến bước lên.

Nhờ quán năm uẩn không thật, nên bây giờ sạch hết tham dục, không còn

bệnh nữa. Thế Tôn, con nay giác ngộ chính như thế.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Đa-kỳ-xà! Khéo hay quán sát gốc của năm thạnh ấm này. Nay Thầy nên biết, phàm là người tu hành nên quán sát gốc của năm ấm này đều chẳng kiên cố. Vì sao như thế? Ngay lúc quán sát năm thạnh ấm này, ta ở dưới cây Bồ-đề thành Vô thượng Chánh đẳng giác, cũng như Thầy quán hôm nay.

Phật xác nhận ngày nay thầy quán như thế, xưa ta cũng quán như thế. Lúc Phật nói pháp này, ở tại tòa có năm mươi Tỳ-kheo được lậu tận, ý giải.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Như vầy tôi nghe. Một thời tôn giả Ananda trú ở Sāvatthi, Jetavana,

tại tinh xá ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi tôn giả Ananda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực với tôn giả Vangisa là Sa-môn thị giả.

3) Lúc bây giờ tôn giả Vangisa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

4) Rồi tôn giả Vangisa nói lên bài kệ với tôn giả Ananda:

Dục ái đốt cháy tôi,

Tâm tôi bị thiêu cháy.

Thật là điều tốt lành,

Đệ tử Gotama,

Vì lòng từ thương tưởng,

Nói pháp tiêu lửa hừng.

5) Tôn giả (Ananda) nói kệ:

Chính vì điên đảo tưởng,

Tâm ông bị thiêu đốt,

Hãy từ bỏ tịnh tưởng,

Hệ lụy đến tham dục,

Nhìn các hành vô thường,

Khổ đau, không phải ngã,

Dập tắt đại tham dục,

Chớ để bị cháy dài;

Hãy tu tâm bất tịnh,

Nhứt tâm, khéo định tĩnh,

Tu tập thân niệm trú,

Hành nhiều hạnh yểm ly;

Hãy tập hạnh vô tướng,

Đoạn diệt mạn tùy miên,

Nhờ quán sâu kiêu mạn,

Hạnh ông được an tịnh.

Giảng:

Pāli tạng kể rất đơn giản, ngài A-nan và Đa-kỳ-xà đi khất thực, không nói gặp cô gái. Chỉ lúc Đa-kỳ-xà bị lửa dục thiêu đốt liền cầu cứu ngài A-nan:

Dục ái đốt cháy tôi,

Tâm tôi bị thiêu cháy.

Thật là điều tốt lành,

Đệ tử Gotama,

Vì lòng từ thương tưởng,

Nói pháp tiêu lửa hừng.

Ở đây bài kệ của ngài A-nan hơi dài:

Chính vì điên đảo tưởng,

Tâm ngươi bị thiêu đốt,

Hãy từ bỏ tịnh tưởng,

Hệ lụy đến tham dục.

Tịnh tưởng tức là nhớ tưởng đẹp đẽ. Hãy bỏ đừng nhớ tưởng đẹp đẽ vì nhớ như vậy nó hệ lụy đến tham dục.

Nhìn các hành vô thường,

Khổ đau, không phải ngã,

Dập tắt đại tham dục,

Chớ để bị cháy dài.

Phải nhìn các hành là vô thường, là khổ đau, không phải là ngã. Nhờ vậy dập tắt được đại tham dục, chớ nên để lửa dục cháy dài.

Hãy tụ tâm bất tịnh,

Nhứt tâm, khéo định tĩnh,

Tu tập thân niệm trú,

Hành nhiều hạnh yểm ly.

Phải quán bất tịnh và nhất tâm khéo định tĩnh. Tập tu niệm thân, tu hạnh yểm ly và xa lìa.

Hãy tập hạnh vô tướng,

Đoạn diệt mạn tùy miên,

Nhờ quán sâu kiêu mạn,

Hạnh ông được an tịnh.

Tu tập hạnh vô tướng để dứt tùy miên, tức là ngủ ngầm của kiêu mạn. Nhờ quán sâu kiêu mạn mà được an tịnh. Ở đây nói ngài A-nan khuyên ngài Đa-kỳ-xà mà không nói chỗ thành công của Đa-kỳ-xà.

Bản kinh Pāli tạng quá đơn giản, Hán tạng đầy đủ hơn.

Giải và Đối chiếu Kinh số 5, Phẩm Mạc Úy (Hán tạng) với Kinh Trở Về Già (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

- Nay Thầy tuổi đã già, không còn trai tráng nữa, hãy nên nhận thức ăn uống và y phục của các trưởng giả.

Đại Ca-diếp bạch Phật:

Con không kham nhận y thực ấy. Nay con mặc áo nạp này tùy thời khất thực, vui sướng vô cùng. Vì sao? Tương lai sẽ có các Tỳ-kheo thân thể

nhu nhuyến, tâm tham đắm y thực tốt đẹp rồi thối chuyển việc tham thiền, lại không chịu khổ. Họ lại sẽ nói rằng: "Các Tỳ-kheo ở thời Phật quá khứ, cũng nhận lời người thỉnh, nhận y thực của người. Vì sao chúng ta không làm theo pháp của thánh nhân ngày xưa?" Vì họ ngồi tham đắm y thực, nên sẽ bỏ pháp phục, làm cư sĩ, khiến các hiền thánh không còn oai thần nữa. Bốn bộ chúng dần dần giảm bớt. Thánh chúng đã giảm ít thì chùa chiền của Như Lai sẽ bị hủy hoại. Vì chùa của Như Lai đã bị hủy hoại thì kinh pháp sẽ bị thất lạc. Khi ấy chúng sanh không còn tinh quang nữa, đã không có tinh quang thì thọ mạng sẽ ngắn ngủi. Khi ấy chúng sanh kia mạng chung đều rơi vào ba

đường ác. Cũng như ngày nay, chúng sanh vì phước nhiều nên đều sanh lên trời, đời tương lai vì làm tội nhiều sẽ vào địa ngục.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Ca-diếp có nhiều lợi ích, Thầy làm bạn tốt, làm phước điền cho người đời. Ca-diếp, Thầy nên biết! Sau khi ta nhập Niết-bàn hơn ngàn năm, sẽ có các Tỳ-kheo thối chuyển việc tham thiền, chẳng hành pháp đầu đà nữa, cũng không khất thực, mặc áo vá, mà tham nhận y thực của trưởng giả thỉnh. Cũng chẳng ở dưới gốc cây, nơi vắng vẻ, ưa thích trang hoàng nhà cửa, cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc, chỉ đắm trước các dược thảo cực kỳ ngon ngọt, hoặc trong đó tham đắm

tài sản, lẫn tiếc nhà cửa, thường cãi vã nhau.

Bấy giờ đàn-việt, thí chủ dốc lòng tin Phật pháp, ưa thích bố thí chẳng tiếc của cải. Khi ấy, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung đều sanh lên trời; còn Tỳ-kheo giải đãi, chết sẽ vào địa ngục. Như thế, này Ca-diếp! Tất cả các hành thảy đều vô thường, không được bền lâu. Lại nữa, Ca-diếp nên biết! Đời tương lai, sẽ có Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc mà tập theo gia nghiệp, tay trái bồng con trai, tay phải ôm con gái, lại cầm đàn sáo, đi khất thực trên các đường phố. Bấy giờ đàn-việt thí chủ thọ phước vô cùng, huống gì ngày nay có những người chí thành khất thực. Như thế, này Ca-diếp! Tất cả các hành vô thường, không được bền lâu.

Ca-diếp nên biết, đời tương lai hoặc có Sa-môn Tỳ-kheo sẽ bỏ tám chánh đạo và bảy pháp như nay ta đã tu tập pháp bảo ấy trong ba vô số kiếp. Các Tỳ-kheo đời tương lai dùng ca khúc, ở trong chúng khất thực để tự nuôi sống. Song các đàn-việt thí chủ cúng thức ăn cho các Tỳ-kheo ấy cũng còn được phước, huống gì ngày nay mà không được phước sao?

Nay ta đem pháp này trao lại cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao? Nay ta tuổi đã già đến tám mươi. Như Lai không bao lâu sẽ diệt độ. Nay đem pháp bảo phó chúc hai người, khéo ghi nhớ đọc tụng, giữ gìn dừng cho dứt mất, lưu truyền trong thế gian. Người nào có lỗi làm dứt tuyệt lời dạy của bậc thánh sẽ bị đọa vào chốn biên

địa. Cho nên hôm nay ta dặn dò trao phó kinh pháp cho các thầy, đừng để dứt mất.

Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp và tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

- Do những cớ gì đem kinh pháp này trao phó hai chúng con mà không trao người khác? Trong chúng của Như Lai, lại có các vị thần thông đệ nhất không thể tính kể, sao không trao phó dặn dò?

Thế Tôn bảo Ca-diếp:

- Ta xem trong cõi trời, cõi người, trọn không thấy người nào có thể thọ trì pháp bảo này sánh bằng Ca-diếp, A-nan. Trong hàng Thanh văn cũng không ai hơn hai người này. Chư Phật

đời quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp, như Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan ngày nay sánh rất là thù diệu. Vì sao? Tỳ-kheo hành đầu-đà ở thời Phật quá khứ, khi pháp còn thì còn, pháp mất thì mất. Còn Tỳ-kheo Ca-diếp của ta hôm nay còn lưu lại ở đời, đến Phật Di-lặc ra đời mới nhập diệt. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo Ca-diếp ngày nay hơn chúng Tỳ-kheo thời quá khứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo A-nan, vì sao hơn thị giả thời quá khứ. Thị giả chư Phật thời quá khứ nghe Phật nói rồi sau mới hiểu, còn nay Tỳ-kheo A-nan, Như Lai chưa nói ra đã hiểu. Như Lai không cần nói, A-nan đều hiểu tất cả. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả chư Phật thời quá khứ.

Cho nên, này Ca-diếp, A-nan! Nay ta giao phó cho các thầy, dặn dò các thầy pháp bảo này, đừng để thiếu sót, diệt mất.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Tất cả hành vô thường,

Khởi lên ắt có diệt,

Không sanh thì không tử,

Diệt này rất là vui.

Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp và tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Giảng:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

- Nay Thầy tuổi đã già, không còn trai tráng nữa, hãy nên nhận thức ăn uống và y phục của các trưởng giả.

Đại Ca-diếp bạch Phật:

- Con không kham nhận y thực ấy. Nay con mặc áo nạp này tùy thời khất thực, vui sướng vô cùng. Vì sao? Tương lai sẽ có các Tỳ-kheo thân thể nhu nhuyến, tâm tham đắm y thực tốt đẹp rồi thối chuyển việc tham thiền, lại không chịu khổ. Họ lại sẽ nói rằng: "Các Tỳ-kheo ở thời Phật quá khứ, cũng nhận lời người thỉnh, nhận y thực của người. Vì sao chúng ta không làm theo pháp của thánh nhân ngày xưa?"

Bấy giờ đức Phật thấy ngài Ca-diếp già quá rồi nên khuyên đừng đi khất thực, đừng mặc y rách nữa, hãy ở một chỗ nhận thí chủ cúng dường. Ngài Ca-diếp xin vẫn đi khất thực, vẫn mặc y rách vì đó là niềm

vui thích được thực hành khổ hạnh của ngài. Đó là lý do thứ nhất.

Lý do thứ hai, ngài nhận thấy về sau có những thầy Tỳ-kheo trẻ, tươi tắn khỏe mạnh cũng bắt chước tham y phục đẹp, thức ăn ngon, đối với việc tu hành lui sụt. Các thầy sẽ nói: "Các Tỳ-kheo quá khứ cũng ở tại chỗ thọ y thực của người cúng dường." Ngài sợ ở một chỗ nhận thí chủ cúng dường, sau này các Tỳ-kheo trẻ bắt chước nên vẫn giữ tu hạnh đầu-đà. Đó là ngài muốn người tu sau này noi gương khổ hạnh của người trước, không lười biếng, không tham ăn ngon mặc đẹp.

Vì họ ngồi tham đắm y thực, nên sẽ bỏ pháp phục, làm cư sĩ, khiến các hiền thánh không còn oai thần nữa. Bốn bộ chúng dần dần giảm bớt. Thánh chúng đã giảm ít thì chùa chiền của Như Lai sẽ bị hủy hoại. Vì chùa của Như Lai đã bị hủy

hoại thì kinh pháp sẽ bị thất lạc. Khi ấy chúng sanh không còn tinh quang nữa, đã không có tinh quang thì thọ mạng sẽ ngắn ngủi. Khi ấy chúng sanh kia mạng chung đều rơi vào ba đường ác. Cũng như ngày nay, chúng sanh vì phước nhiều nên đều sanh lên trời, đời tương lai vì làm tội nhiều sẽ vào địa ngục.

Chúng sanh thời Phật tại thế phước nhiều nên được sự giáo hóa của Phật, siêng năng tu hành nên sanh cõi trời. Chúng sanh thời mạt pháp sau này không nhận được sự giáo hóa trực tiếp của Phật, phước ít tội nhiều nên phải đọa.

Thế Tôn bảo:

Lành thay, lành thay! Ca-diếp có nhiều lợi ích, Thầy làm bạn tốt, làm phước điền cho người đời. Ca-diếp, Thầy nên biết! Sau khi ta nhập Niết-bàn hơn ngàn năm, sẽ có các Tỳ-kheo thối chuyển việc tham

thiền, chẳng hành pháp đầu-đà nữa, cũng không khất thực, mặc áo vá, mà tham nhận y thực của trưởng giả thỉnh. Cũng chẳng ở dưới gốc cây, nơi vắng vẻ, ưa thích trang hoàng nhà cửa, cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc, chỉ đắm trước các dược thảo cực kỳ ngon ngọt, hoặc trong đó tham đắm tài sản, lẫn tiếc nhà cửa, thường cãi vã nhau.

Bấy giờ đàn-việt, thí chủ dốc lòng tin Phật pháp, ưa thích bố thí chẳng tiếc của cải. Khi ấy, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung đều sanh lên trời; còn Tỳ-kheo giải đãi, chết sẽ vào địa ngục. Phật bảo: Như thế Ca-diếp, tất cả hạnh thảy đều vô thường. Không thể gìn giữ được lâu.

Đàn-việt do cúng dường bố thí nên chết sanh lên cõi trời, người tu thọ sự cúng dường ấy không lo tu tập nên xuống địa ngục. Trong kinh kể một hôm ngài A-nan

nằm mộng, thấy dưới hầm sâu toàn mấy thầy áo vàng, còn trên cầu cư sĩ đi qua lại thảnh thơi. Giật mình thức dậy ngài đem điềm mộng kể lại và hỏi Phật. Thế Tôn bảo đó là điềm báo sau khi Phật Niết-bàn, có những Tỳ-kheo thọ nhận vật cúng dường của thí chủ mà lười biếng không tu hành nên đọa địa ngục, giống như những người rớt dưới hầm. Thí chủ cúng dường được phước sanh lên cõi trời như người đi trên cầu. Quý vị nghe có ngán không? Mình là Thầy dẫn người ta đi mà rớt xuống hầm, còn Phật tử lại đi ở trên cầu. Thật là đau!

Lại nữa, Ca-diếp nên biết! Đời tương lai, sẽ có Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc mà tập theo gia nghiệp, tay trái bồng con trai, tay phải ôm con gái, lại cầm đàn sáo, đi khất thực trên các đường phố. Bấy giờ đàn-việt thí chủ thọ phước vô cùng, huống gì ngày

nay có những người chí thành khất thực. Như thế, này Ca-diếp! Tất cả các hành vô thường, không được bền lâu.

Mỗi đoạn Phật đều quở Tỳ-kheo ngày trước tốt đẹp sau sanh tệ. Nói gần, như hiện giờ tôi còn ở Thường Chiếu, mọi việc đều tốt đẹp. Mai kia chúng tôi tịch rồi có còn được như vầy không? Khó mà nói lắm. Vì các hạnh vô thường không bền lâu. Nói tới đây huynh đệ phải biết tôi muốn nhắc điều gì. Nhiều người cho rằng cúng dường những vị không tu thì không có phước. Cúng dường những vị thật tu mới có phước, nhưng ở đây Phật không nói vậy. Dù những người tu rất lếu láo, nhưng cúng dường họ vẫn được phước. Tại sao? Bởi vì lòng tin Tam bảo sâu dày của người cúng. Tăng ni mang hình thức người tu, Phật tử hướng về Tam bảo với tâm tốt nên

cúng dường, do đó họ được phước. Người tu tâm xấu thì đọa.

Như vậy cúng dường nhiều là phước hay họa? Người cúng có phước, người nhận không tu là họa.

Nhận nhiều chừng nào họa lớn chừng nấy, không ích lợi gì đâu. Nếu ai nghĩ được cúng dường nhiều là phước, chưa hẳn như vậy. Nhớ điều đó. Biết sử dụng đồng tiền để lợi ích cho đạo, cho chúng sanh thì tốt, trái đi thì họa cho mình về sau, chứ không phải chuyện thường.

Ca-diếp nên biết, đời tương lai hoặc có Sa-môn Tỳ-kheo sẽ bỏ tám chánh đạo và bảy pháp như nay đã tu tập pháp bảo ấy trong ba vô số kiếp. Các Tỳ-kheo đời tương lai dùng ca khúc, ở trong chúng khất thực để tự nuôi sống. Song các đàn-việt thí chủ cúng thức ăn cho các Tỳ-kheo ấy cũng còn

được phước, huống gì ngày nay mà không được phước sao?

Đây là Phật dùng thí dụ ngược. Ngài nói rằng trong ba a-tăng-kỳ kiếp Như Lai từng tu tập pháp bảo, không một niệm rời pháp, quên pháp. Ngược lại, các Tỳ-kheo sau này có người không nhớ Bát chánh đạo, Thất giác chi, ở chỗ đông người ca hát khất thực nuôi sống. Pháp Thế Tôn không bao giờ quên và Tỳ-kheo không bao giờ nhớ, gọi là nghịch dụ.

Nay ta đem pháp này trao lại cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao? Nay ta tuổi đã già đến tám mươi. Như Lai không bao lâu sẽ diệt độ. Nay đem pháp bảo phó chúc hai người, khéo ghi nhớ đọc tụng, giữ gìn đừng cho dứt mất, lưu truyền trong thế gian. Người nào có lỗi làm dứt tuyệt lời dạy của bậc Thánh sẽ bị đọa vào chốn biên địa. Cho nên hôm nay ta dặn dò trao

phó kinh pháp cho các thầy, đừng để dứt mất.

Nghe thế chúng ta càng được thêm lòng tin. Bởi vì Ca-diếp và A-nan trực tiếp được Phật giao phó trách nhiệm, được Phật truyền pháp, như vậy chúng ta đâu còn nghi ngờ gì các vị tổ tiếp nối sau này. Đó là nói về sự truyền thừa của Thiền tông. Nói về giáo lý, trọng trách Phật giao phó cho ngài Ca-diếp và ngài A-nan là một sự thật đã được chọn lựa kỹ, nên sau ba tháng đức Phật nhập Niết-bàn, tôn giả Ca-diếp triệu tập các bậc thánh kết tập kinh điển là hoàn toàn đáng cho người sau tin tưởng.

Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp và tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

- Do những cớ gì đem kinh pháp này trao phó hai chúng con mà không trao

người khác? Trong chúng của Như Lai, lại có các vị thần thông đệ nhất không thể tính kể, sao không trao phó dặn dò?

Thế Tôn bảo Ca-diếp:

Ta xem trong cõi trời, cõi người, trọn không thấy người nào có thể thọ trì pháp bảo này sánh bằng Ca-diếp, A-nan. Trong hàng Thanh văn cũng không ai hơn hai người này. Chư Phật đời quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp, như Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan ngày nay sánh rất là thù diệu. Vì sao? Tỳ-kheo hành đầu đà ở thời Phật quá khứ, khi pháp còn thì còn, pháp mất thì mất. Còn Tỳ-kheo Ca-diếp của ta hôm nay còn lưu lại ở đời, đến Phật Di-lặc ra đời mới nhập diệt. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo Ca-diếp ngày nay hơn Tỳ-kheo thời quá khứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo A-nan, vì sao hơn thị giả thời quá khứ? Thị giả chư Phật thời

quá khứ nghe Phật nói rồi sau đó mới hiểu, còn nay Tỳ-kheo A-nan, Như Lai chưa nói ra đã hiểu. Như Lai không cần nói, A-nan đều hiểu tất cả. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả chư Phật thời quá khứ.

Cho nên, này Ca-diếp, A-nan! Nay ta giao phó cho các thầy, dặn dò các thầy pháp bảo này, đừng để thiếu sót, diệt mất.

Hai ngài thắc mắc tại sao Phật chỉ giao cho hai ngài mà không giao cho những vị khác vừa có tài vừa có thần thông. Phật xác nhận rõ, hai ngài là những đệ tử Phật tín nhiệm, có nhiều điểm đặc biệt hơn cả các vị đại đệ tử của các đức Phật đời trước.

Ngài Ca-diếp tịch diệt chưa, ở đâu, có ai thấy không? Chỗ này thật khó hiểu cũng khó nói. Có nhiều người nghi. Lịch

sử nói ngài nhập định trong núi Kê Túc, chờ đức Phật Di-lặc ra đời trao lại y bát, như lời huyền ký của đức Phật Thích-ca. Họ đặt câu hỏi: Đức Phật Thích-ca cao một trượng sáu còn đức Phật Di-lặc sau này cao tới mấy mươi trượng. Thân hình to lớn như vậy, đâu thể dùng được y bát của đức Phật Thích-ca trao lại? Đó là điểm nghi thứ nhất. Điểm nghi thứ hai, núi Kê Túc nhiều người đã đến nhưng sao không gặp ngài Ca-diếp? Chuyện này không biết giải thích thế nào. Có lẽ người phàm phu như chúng ta chưa đủ trí, đủ phước, đủ duyên để thấu suốt việc của những bậc thánh nhân.

Năm 1956 tôi có đọc một bài viết chữ Hán được dịch từ bản Anh ngữ, ông Bá-khắc-sum (Bergson) người Pháp qua Ấn Độ có đến núi Kê Túc. Bất thần ông gặp một cửa động. Gõ cửa thì hang đá mở ra.

Ông bước vô gặp ngài Ca-diếp ở trong, cảnh tượng rất kỳ diệu. Ông từ giã về, viết thành sách để lại cho người sau. Đọc lâu quá, tôi không nhớ rõ nội dung chi tiết. Tuy nhiên, quyển sách ấy làm cho chúng ta không dám phủ nhận chuyện ngài Ca-diếp nhập định ở núi Kê Túc là huyền thoại. Vì nếu không gặp ngài làm sao ông dám viết thành sách? Trong kinh Phật cũng huyền ký như vậy. Thôi thì chuyện đó ráng tu đi, có trí tuệ sẽ biết.

Như vậy đức Phật khẳng định giao tăng đoàn lại cho hai vị đại đệ tử Ca-diếp và A-nan chịu trách nhiệm lãnh đạo là điều rõ ràng hợp lý, không còn gì nghi ngờ. Cho nên trong thiền sử ghi lại tổ thứ nhất là ngài Đại Ca-diếp, tổ thứ hai là ngài A-nan.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Tất cả hành vô thường,

Khởi lên ắt có diệt,

Không sanh thì không tử,

Diệt này rất là vui.

Tất cả hạnh đều vô thường, những gì có khởi tức có sanh đều có diệt. Chỗ không sanh không tử, đó mới thật là vui.

PALI TẠNG

Chánh văn:

1) Như vậy tôi nghe. Tại Rajagaha, Veluvana.

2) Rồi tôn giả Mahā Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với tôn giả Mahā Kassapa đang ngồi một bên:

- Này Kassapa, ông đã già rồi. Đã cũ nát là những vải gai thô phấn tảo này của ông đáng được quăng bỏ. Vậy

này Kassapa, hãy mang những y áo do các gia chủ cúng, thọ dụng các món ăn được mời và ở gần bên ta.

4) - Bạch Thế Tôn, con là người đã lâu ngày sống ở rừng, và tán thán hạnh ở rừng; con là người đi khất thực và tán thán hạnh khất thực; con là người mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo; con là người mang ba y và tán thán hạnh mang ba y; con là người thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục; con là người tri túc và tán thán hạnh tri túc; con là người sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly; con là người sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp; con là người tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

5) - Này Kassapa, ông thấy có lợi ích gì mà ông đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng, đi khất thực, mang y phấn tảo, mang ba y, thiểu dục, tri túc, sống viễn ly, sống không giao thiệp, tinh cần và tán thán hạnh tinh cần?

6) - Bạch Thế Tôn, con thấy có hai lợi ích nên đã lâu ngày con sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, con đi khất thực, con mang y phấn tảo, con mang ba y, con thiểu dục, con tri túc, con sống viễn ly, con sống không giao thiệp, con sống tinh cần và tán thán hạnh sống tinh cần.

7) Con thấy tự mình được hiện tại an lạc trú và vì lòng từ mẫn đối với chúng sanh sắp đến, mong rằng các chúng sanh sắp đến sẽ bắt chước:

"Đối với các đệ tử Phật và tùy Phật, mong họ trong một thời gian dài trở thành những vị sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, những vị đi khất thực, những vị mang y phấn tảo, những vị mang ba y, những vị thiểu dục, những vị tri túc, những vị viễn ly, những vị không giao thiệp, những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần, họ sẽ thực hành như vậy, và như vậy trong một thời gian dài họ sống hạnh phúc an lạc."

8) Bạch Thế Tôn, thấy được hai lợi ích này, con sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng, con đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, mang y phấn tảo, mang ba y, thiểu dục, tri túc, viễn ly, không giao thiệp, sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

9) Lành thay, lành thay, Kassapa! Thật vì hạnh phúc cho quần sanh, này Kassapa, ông đã thực hành như vậy, vì an lạc cho quần sanh, vì lòng từ mẫn với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

10) Do vậy, này Kassapa, hãy mang vải gai thô, phấn tảo đáng được quăng bỏ. Hãy sống khất thực và trú ở trong rừng!

Giảng:

Bài kinh này so với bài kinh Hán tạng có chỗ sai biệt. Hán tạng giải thích thêm về tương lai, Pāli tạng cũng nói hai lý do ngài Ca-diếp không chịu ở một chỗ nhận vật phẩm cúng dường của thí chủ, không mặc y vải tốt, luôn luôn xin giữ hạnh đầu-đà. Ngài kể:

Con là người mang ba y và tán thán hạnh mang ba y; con là người thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục; con là người tri túc và tán thán hạnh tri túc; con là người sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly; con là người sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp; con là người tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

Ngài muốn hiện tại sống được như vậy để sau các đệ tử của Phật cũng bắt chước sống theo. Cuối cùng đức Phật chấp nhận cho ngài như nguyện, không nói chuyện về sau.

Giảng giải Kinh số 7, Phẩm Lục Trọng (Hán tạng)

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta sẽ thuyết về pháp đệ nhất tối không. Các thầy khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo:

- Sao gọi là pháp đệ nhất tối không? Nếu lúc mắt khởi thì khởi, cũng chẳng thấy chỗ đến; lúc diệt thì diệt cũng không thấy chỗ diệt, trừ

pháp giả hiệu nhân duyên. Thế nào là giả hiệu nhân duyên? Nghĩa là cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên sầu lo, khổ não, chẳng thể tính kể. Như thế Khổ ấm thành tựu nhân duyên này.

Không đây thì không kia, đây diệt thì kia diệt; vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì

hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì tử diệt, tử diệt thì sầu lo khổ não thảy đều diệt; tận trừ pháp giả hiệu.

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế; lúc khởi thì khởi cũng không biết chỗ đến, lúc diệt thì diệt cũng không biết chỗ diệt, trừ pháp giả hiệu. Pháp giả hiệu là đây khởi thì khởi, đây diệt thì diệt.

Sáu nhập này cũng không người tạo tác; cũng là pháp danh sắc lục nhập. Do cha mẹ mà có thai, cũng không nhân duyên mà có. Đây cũng giả hiệu. Chỉ cần trước có đối đãi sau bèn có. Ví như dùi cây kiếm lửa. Vì trước có đối đãi, sau mới có lửa sanh, lửa cũng chẳng từ cây ra, cũng chẳng lìa cây. Nếu lại có người chẻ

cây tìm lửa, cũng chẳng thể được, đều do nhân duyên hội họp rồi sau có lửa. Sáu tình này khởi bệnh cũng lại như thế, đều do nhân duyên hội họp, trong đó khởi bệnh. Lúc sáu nhập này khởi thì khởi cũng chẳng thấy chỗ đến, lúc diệt thì diệt, cũng chẳng thấy chỗ diệt, trừ pháp giả hiệu này. Nhân do cha mẹ hội họp mà có.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Trước hết thọ bào thai,

Dần dần như váng sữa,

Rồi lại như cục thịt,

Sau chuyển như tượng hình.

Trước sanh đầu, cổ, ót,

Dần sanh tay, chân, ngón,

Chi tiết mỗi mỗi sanh,

Tóc, lông, móng, răng thành.

Nếu lúc mẹ ăn uống,

Các thứ món ăn ngon,

Tinh khí làm sống mạng,

Nguồn gốc của thọ thai.

Hình thể đã hoàn thành,

Các căn không thiếu sót,

Do mẹ được sanh ra,

Thọ thai khổ như thế.

Tỳ-kheo nên biết, do nhân duyên hội họp mà có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo! Trong một thân người có ba trăm sáu mươi đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, năm trăm mạch máu, năm trăm gân, tám vạn hộ trùng. Tỳ-kheo nên biết! Thân lục nhập có tai biến như thế. Tỳ-kheo nên

nhớ tư duy họa hoạn như thế. Ai tạo xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo tám vạn hộ trùng này?

Bấy giờ, Tỳ-kheo nghĩ suy điều này, liền đạt nhị quả, A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Ba trăm sáu mươi xương,

Ở trong thân người này,

Chư Phật đã diễn nói,

Nay ta cũng nói thế.

Gân có năm trăm sợi,

Số mạch cũng như thế,

Trùng có tám vạn thứ,

Chín vạn chín ngàn lông.

Nên quán thân như thế,

Tỳ-kheo cần tinh tấn,

Mau được đạo La-hán,

Và đến được Niết-bàn.

Pháp này đều không tịch,

Chỗ tham của người ngu,

Người trí tâm vui vẻ,

Nghe pháp bổn "không" này.

Này Tỳ-kheo! Đây gọi là pháp đệ nhất tối không. Ta vì các thầy nói về pháp tu hành của Như Lai. Nay ta đã khởi tâm từ bi thương xót, việc ta làm đã xong. Các thầy thường nên nhớ tu hành pháp này. Ở chỗ vắng vẻ, ngồi thiền tư duy, chớ có giải đãi. Nay không tu hành sau hối hận vô ích. Đây là lời giáo huấn của ta. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Giảng:

Đây là bài kinh Đệ nhất tối không, nghĩa là kinh nói về Không đệ nhất tột cùng. Trước hết Phật dạy:

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta sẽ thuyết về pháp đệ nhất tối không. Các thầy khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo:

- Sao gọi là pháp đệ nhất tối không? Nếu lúc mắt khởi thì khởi, cũng chẳng thấy chỗ đến; lúc diệt thì diệt cũng không thấy chỗ diệt, trừ pháp giả hiệu nhân duyên.

Đệ nhất tối không là sao? Sáu căn khi duyên với trần cảnh, mắt thấy sắc niệm

phân biệt đẹp xấu khởi lên. Niệm phân biệt từ đâu mà có? Không biết ở đâu chạy ra, khi diệt cũng không thấy chỗ diệt. Sự sanh khởi của niệm phân biệt đến không có chỗ nơi và diệt cũng không có chỗ nơi. Như vậy nó có thật không? Thế mà cả đời chúng ta chịu nô lệ cho niệm khởi của mắt, của tai, của mũi, của thân, của ý. Khi đối duyên xúc cảnh nó dấy lên thì có, duyên cảnh qua rồi nó không còn. Dấy lên cũng không biết từ đâu, khi diệt cũng không biết về đâu. Nó không thật, bởi không thật nên nói là không, là pháp giả hiệu, pháp nhân duyên.

Thí dụ như trước cổng thiền viện Thường Chiếu, khi nào có xe Phật tử hành hương thì có ông bán cà rem tới, khách về ông ta cũng đi mất. Như vậy ông bán cà rem có phải là người Thường Chiếu không? Nếu là người Thường Chiếu thì không đợi

khách đến ông mới có mặt, lúc nào ông cũng ở đây. Hiểu như vậy mới nhận ra mắt thấy sắc mới có khởi niệm phân biệt, lúc hết duyên thì nó mất. Rõ ràng nó không thật, chỉ là nhân duyên tạm có.

Thế nào là giả hiệu nhân duyên? Nghĩa là cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên sầu lo, khổ não, chẳng thể tính kể. Như thế Khổ ẩm thành tựu nhân duyên này.

Đó là pháp giả hiệu nhân duyên. Mười hai nhân duyên là vô minh, hành, thức, danh sắc... tất cả đều là giả hiệu không thật. Nếu vô minh thật thì vô minh có diệt được không? Cũng như bóng tối nếu có

thật, chúng ta đốt đèn lên nó không mất. Khi đốt đèn bóng tối tan mất nên biết nó không thật. Thắp lên ánh sáng trí tuệ thì vô minh hết, như vậy vô minh cũng không thật, chẳng qua là pháp giả hiệu do nhân duyên sanh. Cái này cái kia liên kết với nhau mà thành thân khổ ấm, chứ nó không có thật. Vì vậy tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh.

Không đây thì không kia, đây diệt thì kia diệt; vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì tử diệt, tử diệt thì sầu lo khổ não thảy đều diệt; tận trừ pháp giả hiệu.

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế; lúc khởi thì khởi cũng không biết chỗ đến,

lúc diệt thì diệt cũng không biết chỗ diệt, trừ pháp giả hiệu. Như vậy mắt, tai, mũi, lưỡi... sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần, sáu thức dấy lên phân biệt. Nó không thật, chỉ chạy theo rồi mất, không biết từ đâu đến, đi cũng không biết về đâu. Nó là pháp hư dối không thật.

Pháp giả hiệu là đây khởi kia khởi, đây diệt kia diệt, lục nhập này cũng không có người tạo tác.

Pháp danh sắc lục nhập do cha mẹ có thai cũng không nhân duyên. Tại sao trước nói nhân duyên rồi sau nói không nhân duyên? Như nói đây có thì kia có, đây sanh thì kia sanh, đó là pháp nhân duyên. Bây giờ danh sắc lục nhập thành bào thai ở trong bụng mẹ, xin hỏi bào thai nhân cha mà có hay nhân mẹ mà có? Nhân cái nào? Nếu một nhân không thành thì sao nói một nhân được? Không

nhân thì sao nói duyên? Như vậy nhân duyên chỉ có trong hư dối, không thật, nên kinh Lăng-nghiêm nói phi nhân duyên phi tự nhiên. Ở đây nói nhân duyên cũng gượng nói thôi, nên gọi là giả hiệu.

Ví như dùi cây lấy lửa, do trước có dùi sau mới sanh lửa. Lửa không phải từ cây ra, cũng không phải lìa cây có. Lửa từ đâu mà ra? Nếu nhân gỗ, chẻ gỗ tìm không ra, nếu nhân dùi, chẻ sắt tìm cũng không ra. Bào thai cũng vậy, không do một người, nghĩa là không có một nhân riêng, mà phải đợi đủ nhân đủ duyên mới được. Như vậy nó có thật đâu, chẳng qua là giả hiệu thôi. Ở đây mới nói nếu có người chẻ cây tìm lửa, không thể thấy lửa, đều do nhân duyên hội họp rồi sau mới có lửa.

Lục tình khởi bệnh cũng như thế, do duyên hội ở trong nên khởi bệnh, tức sáu tình thức là bệnh, giống hệt như dùi cây

lấy lửa. Lửa có mà thật không từ cây sanh ra, cũng không lìa cây, cũng không từ dùi mà ra. Không thể tức mà cũng không thể ly. Như vậy để thấy rõ ý nghĩa đầu tiên Phật nói về sáu thức, tựa nơi sáu căn duyên sáu trần có sáu thức hoàn toàn không thật. Nó đợi đủ duyên mới có, thiếu duyên thì không, đến cũng không biết từ đâu, đi cũng không biết về chỗ nào.

Lục nhập này khi khởi thì khởi cũng không thấy đến, khi diệt thì diệt, cũng không thấy diệt, trừ pháp giả hiệu, nhân do cha mẹ hội họp mà có. Thế Tôn liền nói kệ:

Trước hết thọ bào thai,

Dần dần như váng sữa,

Rồi lại như cục thịt,

Sau chuyển như tượng hình.

Trước sanh đầu, cổ, ót,

Dần sanh tay, chân, ngón,

Chi tiết mỗi mỗi sanh,

Tóc, lông, móng, răng thành.

Nếu lúc mẹ ăn uống,

Các thứ món ăn ngon,

Tinh khí làm sống mạng,

Nguồn gốc của thọ thai.

Hình thể đã hoàn thành,

Các căn không thiếu sót,

Do mẹ được sanh ra,

Thọ thai khổ như thế.

Từ tinh cha huyết mẹ, bào thai kết tụ lại như sữa đặc, lần lần mới thành một cục thịt, tượng hình rồi có đầu cổ, tay chân... cuối cùng có tóc, lông, móng tay, răng. Lúc còn là bào thai, mẹ ăn cái gì con tiếp thu cái đó nuôi sống. Khi hình thành thân thể đầy đủ rồi từ bụng mẹ sanh ra, thập tử

nhất sanh cả mẹ lẫn con. Hình thức thọ thai khổ như thế.

Phật phân tích vậy để làm chi? Để thấy pháp nhân duyên trong cơ thể của chúng ta. Nếu tính số xương có ba trăm sáu mươi lóng, tính lỗ chân lông có chín mươi chín ngàn, tính gân có năm trăm gân, tính mạch có năm trăm mạch, có tám mươi ngàn hộ trùng. Nếu nhìn lại thân từng lớp xương, lỗ chân lông, từng mạch máu, từng sợi gân, từng con hộ trùng thì có mình không? Có gì là mình đâu. Chẳng qua chỉ là một mớ xương, các sợi gân cột lại, mạch máu lưu chuyển, trong đó có mấy con hộ trùng gìn giữ. Nếu gặp vi trùng bên ngoài xâm nhập, nó tổ chức chống lại, lúc chúng đánh nhau mình có biết không? Có biết binh tướng đứa nào chặn đầu đứa nào không? Tự nó đánh, nó thắng thì mình yên ổn, nó thua thì mình

sốt mình đau. Cho nên nói "thân này của mình" thật tức cười.

Đã là của mình, mà nó làm gì mình không biết! Trong đó tám mươi ngàn con hộ trùng đều có sinh hoạt hết, chưa kể lãi sên nữa. Vậy mình là cái gì? Thân này chỉ là giả hiệu do một hợp thể kết tụ lại. Nói theo y học bây giờ, thân này là sự kết cấu của tế bào. Tế bào não, tế bào mắt... kết hợp lại có sự sống của con người. Vậy mà mình cứ vỗ ngực xưng ta, trong khi chia chẻ ra chẳng có gì là mình hết. Phật dạy:

Tỳ-kheo nên nhớ tư duy họa hoạn như thế. Ai tạo xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo tám vạn hộ trùng này?

Bấy giờ, Tỳ-kheo nghĩ suy điều này, liền đạt nhị quả, A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

Hành giả tu quán cần xem xét cái gì làm thành xương, thành mạch, thành hộ

trùng. Nghĩ một hồi không thấy có gì là mình, lúc đó chứng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán... Vậy tu đâu phải là chuyện xa vời, khổ sở chi. Chỉ cần thấy đúng thân này vô ngã. Thấy đúng như vậy thì được trí tuệ diệt vô minh, chứng A-la-hán.

Những thứ không phải là mình hợp lại mà chấp là mình, đó là gì? Là ngu si, vô minh. Bởi vô minh nên trôi lăn trong sanh tử, mất thân này tìm thân khác. Nếu ngay nơi đó biết nó không phải là mình, phá được chấp ngã, đó là trí tuệ. Như vậy mới thấy tu không phải chuyện khổ hạnh nhọc nhằn mà dùng trí tuệ thấy đúng như thật. Đã không phải thật mình mà cứ chấp là mình, đó là điều hết sức mê lầm. Nhiều khi các bác sĩ có đủ phương tiện dùng kính hiển vi thấy vô số vi trùng trong thân, nhưng rồi cũng tham mê, thấy nó thật.

Thành ra cái ngu của chúng sanh không biết có từ đời nào? Nghe Phật nói thì tỉnh, nhưng sau đó cũng mê như thường.

Phật kết thúc bằng bài kệ:

Ba trăm sáu mươi xương,

Ở trong thân người này,

Chư Phật đã diễn nói,

Nay ta cũng nói thế,

Gân có năm trăm sợi,

Số mạch cũng như thế,

Trùng có tám vạn thứ,

Chín vạn chín ngàn lông.

Nên quán thân như thế,

Tỳ-kheo cần tinh tấn,

Mau được đạo La-hán,

Và đến được Niết-bàn.

Pháp này đều không tịch,

Chỗ tham của người ngu,

Người trí tâm vui vẻ,

Nghe pháp bổn "không" này.

Này Tỳ-kheo! Đây gọi là pháp đệ nhất tối không. Ta vì các thầy nói về pháp tu hành của Như Lai. Nay ta đã khởi tâm từ bi thương xót, việc ta làm đã xong. Các thầy thường nên nhớ tu hành pháp này. Ở chỗ vắng vẻ, ngồi thiền tư duy, chớ có giải đãi. Nay không tu hành sau hối hận ích gì. Đây là lời giáo huấn của ta. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Phật khi thì răn, khi thì quở. Tôi thương xót các ông, chỉ dạy rành rõ như vậy, các ông ráng tu, sau hối hận vô ích. Đó là lời dạy bảo của tôi.

Bài kinh này liên hệ tới hệ Bát-nhã rất sâu. Ở đây chỉ đệ nhất tối không là cái không tột cùng. Cái không đó là gì? Tức là

ngay trong cái không này, từ tâm thức cho đến hình thể, cả hai đều là duyên hợp hư dối, không có tự thể cố định. Bởi không tự thể cố định mà chúng ta mê lầm chấp nó thật, là vô minh. Nếu thấy rõ ràng không thật, chỉ là giả hiệu thôi thì sẽ được giải thoát.

Tất cả chúng ta mê lầm từ cái thức, cái thân, lầm giả hiệu nữa. Lầm thức phân biệt cho nó là tâm mình, khởi không biết từ đâu khởi, diệt không biết về đâu. Thân do đủ duyên hợp, không thật mà cho là thật. Khi sanh ra, nếu cha mẹ học hành khá chọn cho cái tên đẹp thì thích, chấp giữ đã đành. Nếu cha mẹ quê mùa đặt cho tên Mít, tên Xoài, vậy mà ai động tới Mít, tới Xoài thì cự liền. Như vậy là chấp từ thân, tâm đến tên tạm đặt, cái nào cũng cho là thật. Rõ ràng chuyện đó không có nghĩa lý gì, chỉ là giả hiệu mà người ta vẫn

chấp cứng. Phật nói cái ngu si của chúng sanh không sao kể hết.

Kinh A-hàm kể, một hôm Phật đi giáo hoá vùng Bà-la-môn, các đệ tử Bà-la-môn theo Phật hết. Mấy thầy Bà-la-môn tức quá, Phật đi trước, họ theo sau kêu tên chửi. Phật cứ chậm rãi đi đều đều không nói gì hết. Mấy vị đó tức quá hỏi:

- Cù-đàm có nghe không?

Phật trả lời:

- Có nghe.

- Tại sao tôi chửi mà Ngài không nói gì hết? Phật liền trả lời:

- Như nhà ngươi có giỗ mời khách tới, khách dự tiệc rồi về, ngươi đem quà bánh tặng cho, họ không nhận thì quà bánh về ai?

- Tặng mà họ không nhận thì về tôi chứ về ai?

- Cũng vậy ngươi chửi ta, ta không nhận thì thôi.

Bây giờ có ai chửi, chúng ta nhận không? Người ta kêu tên tộc của Phật ra chửi, ngài không dính gì hết. Chúng ta nghe ai nói xa xa cũng ráng lắng tai, coi có dính tới mình không. Nghe rồi giận hờn đủ thứ, bởi vậy cái mê lầm của con người quá sức tưởng tượng. Do chúng ta chấp chặt tâm, chấp chặt thân, chấp chặt giả danh, tất cả đều cho là thật nên khổ đau từ đời này đến kiếp nọ. Bây giờ học đạo biết những thứ đó hư dối, đừng chấp nữa thì được giải thoát chứ có gì khó.

Giảng giải Kinh số 3, Phẩm Thất Nhật (Hán tạng)

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta sẽ nói về bảy sử. Các thầy hãy khéo nghĩ nhớ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn,

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Thế nào là bảy?

1. Tham dục sử

2. Sân nhuế sử

3. Kiêu mạn sử

4. Si sử

5. Nghi sử

6. Kiến sử

7. Dục thế gian sử.

Này Tỳ-kheo, đó là bảy sử khiến cho chúng sanh thường ở trong u tối, bị trói buộc thân mình, lưu chuyển trong thế gian không hề ngừng nghỉ, cũng không thể biết cội rễ sanh tử. Ví như hai con trâu một đen một trắng, mang chung một ách cùng kéo dẫn nhau, không cách xa được. Chúng sanh cũng như thế, bị tham dục sử, vô minh sử, trói buộc không lìa nhau được. Năm sử kia cũng lại đuổi theo; năm sử vừa theo, bảy sử cũng thế.

Người phàm phu bị bảy sử này trói buộc, lưu chuyển trong sanh tử không giải thoát được, không thể biết nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo nên biết, do bảy sử này bèn có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do bảy sử này không thể qua khỏi cảnh giới tệ ma. Nhưng bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Thế nào là bảy?

1) Tham dục sử thì có niệm giác ý trị.

2) Sân nhuế sử có trạch pháp giác ý trị.

3) Tà kiến sử có tinh tấn giác ý trị.

4) Dục thế gian sử có hỷ giác ý trị.

5) Kiêu mạn sử có ỷ giác ý trị.

6) Nghi sử có định giác ý trị.

7) Vô minh sử có hộ giác ý trị.

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy sử dùng bảy giác ý trị.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc ta chưa thành Phật, đang hành hạnh Bồ-tát, ngồi dưới cây Bồ-đề, khởi niệm này: "Chúng sanh cõi Dục bị những gì trói buộc?" Rồi lại nghĩ: "Chúng sanh bị bảy sử trói buộc lưu chuyển trong sanh tử, mãi mãi không giải thoát được. Nay ta cũng bị bảy sử này trói buộc không được giải thoát." Lúc ấy ta lại nghĩ: "Bảy sử này dùng gì để trị?" Ta lại suy nghĩ nữa: "Bảy sử này sẽ dùng bảy giác ý trị. Ta nên tư duy bảy giác ý. Lúc ta tư duy bảy giác ý, tâm hữu lậu được dứt, liền được giải thoát. Sau thành đạo Vô thượng chánh chân.

Trong bảy ngày ngồi kiết-già, tư duy về bảy giác ý này một lần nữa. Thế nên, các Tỳ-kheo nếu muốn bỏ bảy sử nên nhớ tu hành pháp bảy giác ý. Như thế, các Tỳ-kheo nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Giảng:

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta sẽ nói về bảy sử. Các thầy hãy khéo nghĩ nhớ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Thế nào là bảy ?

1) Tham dục sử

2) Sân nhuế sử

3) Kiêu mạn sử

4) Si sử

5) Nghi sử

6) Kiến sử

7) Dục thế gian sử

Này Tỳ-kheo, đó là bảy sử khiến cho chúng sanh thường ở trong u tối, bị trói buộc thân mình, lưu chuyển trong thế gian không hề ngừng nghỉ, cũng không thể biết cội rễ sanh tử.

Tôi sẽ nói thất sử.

Trong đây sử thứ nhất và thứ bảy có khác nhau không?

- Tham dục sử (ham muốn): tham ngũ dục.

- Dục thế gian (tham thế gian); tham Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Bởi tham ba cõi nên đi trong tam giới.

Thất sử này lôi kéo trói buộc khiến chúng sanh bị luân hồi không biết tới bao giờ thôi dứt, cũng không biết nguồn gốc sanh tử từ đâu ra?

Phật thí dụ như hai con trâu, một đen một trắng mang chung một ách cùng kéo dẫn nhau, không cách xa được. Chúng sanh cũng thế, bị tham dục sử, vô minh sử trói buộc không lìa nhau được.

Ách là dụ cho sử, hai con trâu là dụ cho ham muốn và si mê. Tại sao bảy sử mà ở đây Phật nói có hai? Tuy nói bảy sử nhưng hai sử này là gốc, tham không được thì sanh giận tức, tham được thì sanh kiêu mạn. Bởi si mê nên mới nghi ngờ, hiểu không đúng, tà kiến, tham đắm trong tam giới. Bốn sử sau thuộc về si. Nói hai sử si

và tham giống như hai con trâu đen và trắng, cứ bị ách con này lôi qua, con kia kéo lại, không thoát ra được. Chúng sanh cũng thế, bị tham dục sử, vô minh sử, trói buộc không lìa nhau.

Năm sử kia cũng lại đuổi theo. Phàm phu bị bảy sử này trói buộc, lưu chuyển trong sanh tử không thể giải thoát, không thể biết được nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo nên biết, do bảy sử này bèn có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do bảy sử này không thể qua khỏi cảnh giới tệ ma.

Phật chỉ rõ tai họa của bảy sử, nó dẫn chúng ta đi trong luân hồi, trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh không có ngày ra. Do bảy sử này mà chúng ta rơi vào cảnh giới tệ ma. Rơi trong cảnh giới tệ ma là sao? Thí dụ tham ăn món ngon là việc nhỏ xíu, nhưng khi tham rồi sẽ rơi vào

cảnh giới tệ ma. Vì thích ăn ngon, đến đâu được đãi món mình thích, ta sẽ thường đến chỗ đó, không còn vui vẻ sống trong đạo một cách đạm bạc nữa, nên nói rơi vào cõi tệ ma. Đó là chỉ nói tham ăn thôi, còn tham sắc, tham danh... đủ thứ. Những thứ đó dẫn mình đi vào cảnh giới tệ ma. Ma ở đây không có nghĩa là hiện ra thân thể xấu xí dễ sợ, mà là cạm bẫy làm chướng đạo, chúng ta tu không được, không thể giải thoát.

Bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Thế nào là bảy?

1) Tham dục sử thì có niệm giác ý trị.

2) Sân nhuế sử có trạch pháp giác ý trị.

3) Tà kiến sử có tinh tấn giác ý trị.

4) Dục thế gian sử có hỷ giác ý trị.

5) Kiêu mạn sử có ý giác ý trị.

6) Nghi sử có định giác ý trị.

7) Vô minh sử có hộ giác ý trị.

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy sử dùng bảy giác ý trị.

Nếu có sử ham muốn thì dùng niệm giác ý trị. Tại sao ham muốn dùng niệm giác ý trị? Ham muốn là mong được cái này, được cái kia, tức tham ngũ dục. Nếu chúng ta tập trung tâm niệm chuyên nhất về một thứ thì ham muốn có bớt không? Bớt.

Sử giận tức thì dùng trạch pháp giác ý trị. Tại sao giận tức dùng trạch pháp giác ý trị? Khi khởi giận tức phải xét lại trong tâm mình tốt hay xấu. Trạch pháp là lựa chọn, xấu loại ra tốt giữ lại. Vì vậy nên dùng trạch pháp giác ý trị.

Sử tà kiến thì dùng tinh tấn giác ý trị. Tà kiến là nhìn sai thấy lệch. Siêng năng xem xét nội tâm, những gì xấu loại ra, tốt

giữ lại. Luôn cố gắng như thế thì không rơi vào tà kiến.

Sử tham thế gian thì dùng hỷ giác ý trị. Hỷ là vui. Khi có niềm vui trong nội tâm thì tham tam giới không còn nữa.

Sử kiêu mạn dùng ỷ (khinh an) giác ý trị. Kiêu mạn là khinh người. Chúng ta tu hành được an lạc nhẹ nhàng, thanh thoát, đó là không còn tâm kiêu mạn.

Sử nghi ngờ thì dùng định giác ý trị. Nghi ngờ là nghĩ tưởng, nghi cái này nghi cái nọ, khi định thì mọi thứ nghi đều hết.

Sử si mê thì dùng hộ (xả) giác ý trị. Bởi si mê nên mới đắm nhiễm cái này, cái kia. Xả hết tức nhiên hết si mê. Trong mười điều tâm niệm có điều, được lợi thì tâm si dễ động. Bởi vì được lợi tức nhiên tâm mê dễ dấy lên. Được lợi thì mừng, bởi mừng mới tham. Nếu xả hết thì si hết.

Đó là Phật chỉ thuốc để trị bảy bệnh sử. Phật dẫn chứng:

Tỳ-kheo nên biết! Lúc ta chưa thành Phật, đang hành hạnh Bồ-tát, ngồi dưới cây Bồ-đề, khởi niệm này: "Chúng sanh cõi Dục bị những gì trói buộc?" Rồi lại nghĩ: "Chúng sanh bị bảy sử trói buộc lưu chuyển trong sanh tử, mãi mãi không giải thoát được. Nay ta cũng bị bảy sử này trói buộc không được giải thoát".

Đó là ngài tìm nguyên nhân tại sao chúng sanh bị trói buộc trong vòng sanh tử luân hồi không được giải thoát. Suy tìm thấu đáo, ngài biết gốc của luân hồi là bảy sử.

Lúc ấy ta lại nghĩ: "Bảy sử này dùng gì để trị?" Ta lại suy nghĩ nữa: "Bảy sử này sẽ dùng bảy giác ý trị. Ta nên tư duy bảy giác ý." Lúc ta tư duy bảy giác ý, tâm hữu

lậu được dứt, liền được giải thoát. Sau thành đạo Vô thượng chánh chân.

Đối với thất giác ý, đức Phật niệm chánh chân về nó nên ngài được giải thoát thành Phật.

Trong bảy ngày ngồi kiết-già, tư duy về bảy giác ý này một lần nữa. Thế nên, các Tỳ-kheo nếu muốn bỏ bảy sử nên nhớ tu hành pháp bảy giác ý. Như thế, các Tỳ-kheo nên học điều này.

Phật dẫn bảy sử là bệnh đưa đến trầm luân, sau đó chỉ bảy giác ý là thuốc và xác chứng ngài do tu những pháp ấy mà chứng ngộ thành Phật đạo. Nên biết thất giác ý là gốc để đưa đến giác ngộ. Vì vậy thất giác ý còn gọi là thất bồ-đề phần. Bồ-đề là giác, phần là từng phần. Bảy thứ này từ nơi ý mà ra nên gọi là thất giác ý. Phật dạy tu là những pháp ngài đã tu rồi, có pháp nào Phật dạy mình tu mà ngài chưa

tu đâu. Chúng ta bây giờ dạy người ta tu mà mình chưa tu, bởi vậy dạy không hiệu nghiệm. Lỗi ở chỗ đó.

Giảng giải Kinh số 5, Phẩm Mã Huyết Thiên Tử Vấn Bát Chánh (Hán tạng)

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta sẽ nói thí dụ thuyền bè. Các thầy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Xin vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy.

Phật bảo:

- Thế nào gọi là thí dụ thuyền bè? Nếu các thầy đi đường bị giặc bắt giữ, nên nhiếp tâm ý, đừng khởi niệm ác. Nên khởi tâm hộ niệm trùm khắp mọi nơi, vô lượng vô hạn không thể tính kể. Giữ gìn tâm như đất, cũng như đất này, nhận vật sạch, cũng nhận vật dơ, phẩn tiểu dơ uế xấu xa thảy đều nhận hết. Song đất chẳng khởi tâm tăng giảm, không nói rằng: "Đây là xấu, đây là tốt." Nay việc làm của các thầy cũng nên như thế. Giả sử bị giặc bắt giữ giam cầm, chớ sanh ác niệm, khởi tâm tăng giảm. Như đất, nước, lửa, gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không có tâm tăng giảm.

Khởi tâm từ, bi, hỷ, hộ (xả) đối với tất cả chúng sanh. Vì sao? Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì pháp ác mà tập

quen. Như có người gặp chỗ tai nạn sợ sệt, muốn qua khỏi chỗ tai nạn đến chỗ an ổn; tùy ý chạy tìm nơi an ổn. Người ấy thấy con sông lớn rất sâu rộng, cũng không có thuyền hay cầu để có thể sang bờ bên kia. Song chỗ đứng bên này rất đáng sợ, bờ bên kia không có. Bấy giờ người kia suy nghĩ tính kế: "Sông này rất sâu lại rộng, nay ta có thể thu thập cây cối, cỏ lá kết lại làm bè qua sông, nhờ bè này để chèo từ bờ này sang bờ kia." Bấy giờ người ấy liền thu góp cành cây, cỏ lá kết bè mà chèo từ bờ này sang bờ kia. Người ấy đã sang bờ kia liền khởi nghĩ: "Cái bè này rất nhiều lợi ích cho ta, do bè này được qua chỗ ách nạn, từ chỗ sợ hãi đến chỗ không nạn. Nay

ta không bỏ bè này, đi đâu cũng mang theo."

Thế nào, các Tỳ-kheo! Người kia đến nơi rồi có thể vác chiếc bè theo chăng? Hay không nên vác theo?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn không nên. Nguyện vọng của người ấy được kết quả, còn dùng bè vác theo làm gì!

Phật bảo Tỳ kheo:

- Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thế nào là pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp? Chúng con há không do pháp mà học đạo ư?

Phật bảo:

Y nơi kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn. Dùng không mạn diệt mạn mạn, vô mạn; dùng chánh mạn diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt sạch bốn mạn.

Xưa kia, khi ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới cội cây bèn nghĩ như vầy: "Trong cõi Dục giới, ai là người hào quý nhất ta sẽ hàng phục. Trong cõi Dục giới này chư thiên và loài người thảy đều hàng phục". Lúc ấy ta lại nghĩ thế này: "Nghe nói có tệ ma Ba-tuần, nay ta sẽ chiến đấu với ma ấy, do hàng phục ma Ba-tuần, tất cả chư thiên hào quý kiêu mạn đều sẽ hàng phục".

Khi ấy, ta ngồi nơi tòa mỉm cười, khiến cho cảnh giới ma Ba-tuần thảy đều chấn động. Trong hư không nghe có tiếng nói kệ:

Bỏ pháp vua Tịnh Phạn,

Xuất gia học cam lồ,

Nếu người phát nguyện rộng,

Không ba đường ác này.

Nay ta họp binh chúng,

Đến thăm Sa-môn kia,

Nếu không theo ý ta,

Nắm chân ném ra biển.

Khi ấy, tệ ma Ba-tuần sân giận bừng bừng, liền bảo đại tướng Sư Tử rằng:

Mau tập họp bốn bộ chúng, đi đánh dẹp Sa-môn. Và phải quan sát

ông ấy có thế lực gì mà dám chiến đấu với ta?

Khi ấy, ta lại suy nghĩ: "Giao chiến với người thường còn không thể im lặng huống gì với người hào quý của cõi Dục. Cũng nên tranh đua với y ít nhiều."

Này Tỳ-kheo! Lúc ấy ta mặc giáp nhân từ, tay cầm cung chánh định, tên trí tuệ, đợi binh chúng kia. Khi đó tệ ma, đại tướng và binh chúng có đến mười tám ức, mặt mày mỗi mỗi khác nhau, vượn, khỉ, sư tử đến chỗ ta. Binh chúng La-sát hoặc một thân có ngàn đầu; hoặc mấy mươi thân chung một đầu; hoặc hai vai ba cổ, ngay tim có miệng; hoặc một tay, hoặc hai tay, hoặc bốn tay; hoặc hai tay vác đầu, miệng ngậm thây rắn; hoặc trên đầu

bốc lửa, miệng phun lửa; hoặc hai tay banh miệng muốn ngoạm đằng trước; hoặc phanh bụng đi tới, tay cầm dao kiếm, mang vác mâu giáo; hoặc cầm chày cối; hoặc vác núi gánh đá, vác cây lớn; hoặc hai chân ở trên, đầu ở dưới; hoặc cưỡi voi, sư tử, hổ lang, độc trùng; hoặc đi bộ đến, hoặc bay trên không.

Khi ấy, tệ ma đem bao nhiêu binh chúng ấy vây quanh cội đạo thọ. Ma Ba-tuần đứng bên trái ta, nói với ta:

- Sa-môn đứng lên mau.

Tỳ-kheo! Khi ấy, ta im lặng không trả lời. Như thế đến ba phen, Ma bèn nói với ta:

- Sa-môn sợ ta chăng?

Ta bảo:

- Nay ta nhiếp tâm không chút kinh sợ.

Ma Ba-tuần nói:

- Sa-môn! Có thấy bốn bộ binh chúng của ta chăng? Còn ông một thân, không có khí giới gậy gộc, binh đao, đầu trọc, thân trơ, chỉ mặc ba y, lại nói: Ta không sợ?

Bấy giờ, ta hướng về Ba-tuần, nói kệ:

Giáp nhân, cung chánh định,

Tay cầm tên trí tuệ,

Phước nghiệp là binh chúng,

Nay sẽ hoại quân ngươi.

Ma Ba-tuần lại nói với ta:

- Ta có nhiều việc lợi ích cho Sa-môn, nếu không nghe lời ta, bấy giờ

sẽ đốt ông ra tro, tiêu diệt thân hình. Lại, Sa-môn dung mạo đoan chánh, tuổi trẻ tươi đẹp, phát xuất từ dòng Sát-lợi, Chuyển luân vương. Mau rời khỏi chỗ này, tập theo ngũ dục. Ta sẽ đem đến cho ông, để ông làm Chuyển luân thánh vương.

Ta trả lời Ba tuần:

- Những lời ngươi nói, đều là vô thường biến đổi không dừng lâu, cũng phải xả ly, chẳng phải điều ta ưa thích.

Ma Ba-tuần lại nói với ta:

- Sa-môn! Hôm nay muốn điều gì? Chí nguyện việc gì?

Ta đáp:

- Điều ta nguyện là nơi không lo sợ, an ổn tịch tịnh trong thành Niết-

bàn, dẫn dắt các chúng sanh trôi nổi trong sanh tử, chìm đắm khổ não được đến con đường chánh.

- Nếu như Sa-môn không mau mau đứng lên khỏi tòa, ta sẽ nắm chân ông ném xuống biển.

Ta đáp Ba-tuần rằng:

- Ta tự quán sát trong cõi trời, người, dù cho ma hay thiên ma, nhân, phi nhân và cả bốn binh chúng của ngươi, không thể khiến ta động một mảy lông.

Ma bảo:

- Sa-môn! Ngày nay muốn chiến đấu với ta chăng?

Ta đáp:

- Muốn cùng giao chiến.

Ma hỏi:

- Ông ghét điều gì?

Ta đáp:

- Những điều kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trung mạn.

Ma nói với ta:

- Ông dùng nghĩa gì để diệt các mạn đó?

Ta đáp:

- Ba tuần nên biết! Có nhân Từ tam-muội, Bi tam-muội, Hỷ tam-muội, Hộ tam-muội, Không tam-muội, Vô nguyện tam-muội, Vô tướng tam-muội. Do Từ tam-muội được Bi tam-muội, do Bi tam-muội được Hỷ tam-muội, do Hỷ tam-muội được Hộ (Xả) tam-muội, do Không tam-muội

được Vô nguyện tam-muội, do Vô nguyện tam-muội được Vô tướng tam-muội. Do sức của tam-muội này chiến đấu với ngươi. Hành tận ắt khổ tận, khổ tận ắt kết tận, kết tận ắt đến Niết-bàn.

Ma nói:

- Sa-môn! Có thể dùng pháp diệt pháp chăng?

Ta đáp:

- Có thể dùng pháp diệt pháp.

Ma hỏi ta:

- Thế nào là dùng pháp diệt pháp?

Khi ấy, ta bảo:

- Dùng chánh kiến diệt tà kiến, dùng tà kiến diệt chánh kiến. Chánh tư duy diệt tà tư duy, tà tư duy diệt

chánh tư duy. Chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ. Chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp. Chánh mạn diệt tà mạn, tà mạn diệt chánh mạn. Chánh phương tiện diệt tà phương tiện, tà phương tiện diệt chánh phương tiện. Chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm. Chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định.

Ma nói:

- Sa-môn! Hôm nay tuy có những lời như vậy. Ở chỗ này khó khắc phục. Ông mau đứng dậy, đừng để ta nắm chân ném ra biển.

Ta lại bảo Ba-tuần:

- Ngươi tạo phước chỉ một phen nay được làm Ma vương cõi Dục. Xưa

kia ta tạo công đức không thể tính kể. Lời của ngươi hôm nay mới thật khó làm.

Ba-tuần đáp:

- Phước đã làm chỉ ông chứng biết. Ông tự xưng đã tạo vô số phước, ai có thể chứng tri cho ông? Tỳ-kheo! Lúc ấy ta duỗi tay mặt, chỉ xuống đất, bảo với Ba tuần:

- Công đức ta đã tạo, Địa thần chứng biết.

Ta đang nói lời này, Địa thần từ đất vọt lên chắp tay bạch:

- Bạch Thế Tôn! Con đang chứng biết.

Địa thần nói xong, Ba-tuần lo buồn khổ não, liền lui không hiện.

- Tỳ-kheo! Do phương tiện này nên biết, pháp còn phải diệt huống là phi pháp. Đã từ lâu, ta vì các thầy nói kinh Nhất Giác Dụ, không ghi lại văn tự, huống giải thích ý nghĩa. Vì sao? Pháp này sâu xa huyền diệu, các bậc Thanh văn, Bích-chi Phật tu pháp này được công đức lớn, được cam lồ, đến chỗ vô vi.

Thế nào tên là Dụ nương thuyền? Nghĩa là y nơi mạn diệt mạn, mạn đã diệt tận, lại không còn những niệm tưởng não loạn. Cũng như da con chồn được thuộc kỹ, lấy tay cuộn lại, không nghe tiếng sột soạt, không có chỗ cứng cộm. Đây cũng như thế. Như Tỳ-kheo chấm dứt kiêu mạn, không có tăng giảm. Cho nên nay ta bảo các thầy rằng: "Giả sử bị giặc giam cầm,

chớ khởi tâm ác, nên đem lòng từ ban khắp các nơi, cũng như da kia rất mềm mại, bèn được chỗ vô vi lâu dài.”

Như thế, Tỳ-kheo! Nên khởi niệm như thế.

Ngay khi thuyết pháp này, có ba ngàn thiên tử ngay tại chỗ ngồi các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn tịnh. Còn sáu mươi Tỳ-kheo khác lại bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ. Sáu mươi Tỳ-kheo khác, lậu tận ý giải, được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Giảng:

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta sẽ nói thí dụ thuyền bè. Các thầy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Xin vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy.

Phật bảo:

- Thế nào gọi là thí dụ thuyền bè? Nếu các thầy đi đường bị giặc bắt giữ, nên nhiếp tâm ý, đừng khởi niệm ác.

Nên khởi tâm hộ niệm trùm khắp mọi nơi, vô lượng vô hạn không thể tính kể. Giữ gìn tâm như đất.

Đức Phật dạy khi bị giặc bắt, lúc đó chúng ta có hai thứ khổ. Khổ thứ nhất là sợ hãi, khổ thứ hai là tức giận. Do đó Phật dạy đừng nghĩ ác, đừng oán thù, phải khởi lòng từ bi hỷ xả khắp hết các phương vô lượng: từ vô lượng tâm, bi vô lượng tâm,

hỷ vô lượng tâm, xả vô lượng tâm. Tu được bốn tâm đó là giữ tâm mình như đất.

Cũng như đất này, nhận vật sạch, cũng nhận vật dơ, phẩn tiểu dơ uế xấu xa thảy đều nhận hết. Song đất chẳng khởi tâm tăng giảm, không nói rằng: "Đây là xấu, đây là tốt". Nay việc làm của các thầy cũng nên như thế.

Đất trong thân hay ngoài thân cũng là đất. Nếu đất ngoài thân bị quăng đồ dơ xấu xuống, nó không rầy rà thì đất trong thân cũng nên như thế. Tại sao khi đụng tới đất trong thân lại phản kháng? Thêm bớt làm chi, tốt xấu làm gì, đất cũng chỉ là đất. Vì vậy Phật khuyên Tỳ-kheo phải nên như đất.

Giả sử bị giặc bắt giữ giam cầm, chớ sanh ác niệm, chớ khởi tâm tăng giảm. Như đất, nước, gió, lửa, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không có tâm tăng

giảm. Khởi tâm từ, bi, hỷ, hộ (xả) đối với tất cả chúng sanh.

Đối với tất cả chúng sanh phải khởi tâm từ bi hỷ xả, để nếu họ có làm khổ mình, chúng ta không chút hờn giận, cũng như đất nước gió lửa bên ngoài vậy.

Phật bảo: Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì pháp ác mà tập quen.

Pháp Phật dạy như thuốc uống trị bệnh. Khi bệnh lành rồi có còn tiếp tục uống thuốc không? Không uống. Lành bệnh rồi thuốc cũng phải bỏ. Thuốc dụ cho pháp lành, bệnh dụ cho pháp ác. Pháp lành còn nên xả thì pháp ác có nên chứa không? Không. Chúng ta tu rồi có nên buồn người này giận người kia không? Nếu buồn giận hoài là người chứa pháp ác. Như người bị bệnh phổi, không ai dám ở gần. Bệnh nhân biết vi trùng làm hư phổi thì tìm thuốc trị nó hay chứa nó? Biết nó

là thứ hiểm nguy phải lo trị, không ai dung chứa cả.

Tham sân si là ba độc, nên bỏ hay nên giữ? Ai cũng biết nên bỏ. Vậy mà tại sao chúng ta không chịu bỏ. Thứ tốt còn phải bỏ huống là thứ xấu ác. Người tu muốn vươn lên, nguyện giải thoát mọi khổ đau, mà đó là nhân khổ đau, tại sao không bỏ? Phật dạy pháp thiện còn phải xả huống là pháp ác. Cho nên những gì thuộc về pháp ác vừa dấy lên phải bỏ liền. Vị nào nói "tôi giận huynh mười năm không ngó mặt", đó là người thế nào? Là người nguyện chứa pháp ác. Chúng ta chưa phải là thánh nên chủng nghiệp xấu vẫn còn, nhưng vừa biết phải bỏ, chứ cứ chứa chấp nó thì không phải người tu.

Như có người gặp chỗ tai nạn sợ sệt, muốn qua khỏi chỗ tai nạn đến chỗ an ổn; tùy ý chạy tìm nơi an ổn. Người ấy thấy

con sông lớn rất sâu rộng, cũng không có thuyền hay cầu để có thể sang bờ bên kia. Song chỗ đứng bên này rất đáng sợ, bờ bên kia không có. Bấy giờ người kia suy nghĩ tính kế: "Sông này rất sâu lại rộng, nay ta có thể thu thập cây cối, cỏ lá kết lại làm bè qua sông, nhờ bè này để chèo từ bờ này sang bờ kia".

Bấy giờ người ấy liền thu góp cành cây, cỏ lá kết bè mà chèo từ bờ này sang bờ kia. Người ấy đã sang bờ kia liền khởi nghĩ: "Cái bè này rất nhiều lợi ích cho ta, do bè này được qua chỗ ách nạn, từ chỗ sợ hãi đến chỗ không nạn. Nay ta không bỏ bè này, đi đâu cũng mang theo."

Thế nào, các Tỳ-kheo! Người kia đến nơi rồi có thể vác chiếc bè theo chăng? Hay không nên vác theo?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn không nên. Nguyện vọng của người ấy được kết quả, còn dùng bè vác theo làm gì!

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp!

Bấy giờ có một Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thế nào là pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp? Chúng con há không do pháp mà học đạo ư?

Thí dụ này không được rõ lắm, trong một bài kinh khác Phật nói rõ hơn. Có người bị giặc cướp đuổi gấp, khi chạy tới bờ sông thấy sông vừa sâu vừa rộng nước chảy xiết, lại không có cầu, không có thuyền. Người đó muốn thoát nạn phải làm sao? Anh ta tìm cách kết bè qua sông. Anh chặt tám khúc cây kết lại thành chiếc bè, sau đó xuống bè bơi qua bờ bên kia.

Qua bên kia rồi anh bước lên bờ thật an ổn. Giặc cướp dụ cho vô thường đuổi gấp, người bị đuổi dụ chúng ta, dòng sông dụ cho ái dục. Nó vừa sâu vừa rộng, vừa chảy xiết, nếu ai rớt xuống liền bị cuốn trôi. Muốn có phương tiện vượt qua bên kia sông, chặt tám khúc cây dụ cho bát chánh đạo. Nương bát chánh đạo làm bè qua bờ bên kia, thoát hiểm nguy được an ổn.

Bấy giờ nghĩ chiếc bè là vật hữu ích cho mình nên vác theo lên bờ. Người nghĩ như thế thật là ngu ngốc. Chiếc bè chỉ có giá trị đưa chúng ta qua sông. Qua được rồi, nó không còn cần thiết nữa, vác theo chỉ khổ công vô ích. Tu đến quả A-la-hán, chứng vô lậu thì bát chánh đạo có còn dùng nữa không? Không. Nên Phật nói pháp thiện còn phải xả huống nữa là pháp ác.

Pháp Phật dạy là phương tiện đưa tới giải thoát. Giải thoát rồi phương tiện cũng bỏ, huống nữa là các pháp dẫn đi trong trầm luân mà lại có thể giữ được sao? Người nào muốn trầm luân nữa thì cứ chứa, vì nó là động cơ đưa đến trầm luân. Ai quyết tâm giải thoát thì phải bỏ. Người tu sáng suốt phải bỏ pháp ác, nếu cố giữ pháp ác thì không phải người sáng suốt, không phải người thật tu.

Khi ấy có một Tỳ-kheo bạch Phật thế nào là pháp lành còn phải xả, huống là phi pháp, chúng con không phải do pháp học đạo sao? Vị Tỳ-kheo này khởi nghi lâu nay học đạo là học pháp của Phật dạy, bây giờ pháp cũng bỏ thì học gì đây?

Phật bảo:

- Y nơi kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn. Dùng không mạn

diệt mạn mạn, vô mạn; dùng chánh mạn diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt sạch bốn mạn.

Như vậy Phật đáp có lạc đề không? Tại sao thầy Tỳ-kheo hỏi không do pháp mà học đạo, Phật lại nói y kiêu mạn diệt kiêu mạn, lấy không mạn diệt mạn mạn lấy chánh mạn diệt tà mạn và tăng thượng mạn...? Lấy kiêu mạn diệt kiêu mạn là sao? Điều này nghe thật khó hiểu. Thí dụ ở trong chúng ai cũng nguyện tinh tấn tu hành. Có một thiếu nữ thật đẹp đến nói: "Tôi sẽ phá xem mấy thầy tu được không?" Khi đó mình nói sao? "Trọn đời tôi cố gắng tu dù chết cũng không để sắc dục lôi cuốn, có một trăm người như cô cũng không phá được chúng tôi!" Nói vậy có kiêu mạn không? Có. Khởi tâm kiêu mạn như thế để diệt kiêu mạn của cô thiếu nữ. Cô ta nói sẽ phá tức dùng tâm

kiêu mạn đối với mình. Gặp trường hợp như thế muốn thắng phải làm sao? Cũng phải khởi niệm kiêu mạn để diệt kiêu mạn, nên nói y kiêu mạn diệt kiêu mạn.

Giả như có người nói tu thành Phật khó lắm, quý thầy đừng tu nữa. Từ xưa tới giờ, ngoài đức Phật Thích-ca ra có đức Phật nào nữa đâu? Nghe vậy mình chùn bước, nghĩ khó liền thối tâm. Với người biết tu thì nghĩ tuy thành Phật khó nhưng đã quyết định thì phải làm cho được, đó là kiêu mạn. Nhờ kiêu mạn mà tiến. Nghe nói khó rồi thở dài chắt lưỡi là lùi. Bởi vậy nên nói y kiêu mạn diệt kiêu mạn. Dẫn chứng lời Phật dạy:

Xưa kia, khi ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới cội cây bèn nghĩ như vầy: "Trong cõi Dục giới, ai là người hào quý nhất ta sẽ hàng phục. Trong cõi Dục giới này chư thiên và loài người thảy đều hàng phục."

Lúc ấy ta lại nghĩ thế này: "Nghe nói có tệ ma Ba-tuần, nay ta sẽ chiến đấu với ma ấy, do hàng phục ma Ba-tuần, tất cả chư thiên hào quý kiêu mạn đều sẽ hàng phục."

Khi ấy, ta ngồi nơi tòa mỉm cười, khiến cho cảnh giới ma Ba-tuần thảy đều chấn động.

Cái cười này là cười kiêu ngạo.

Trong hư không nghe có tiếng nói kệ:

Bỏ pháp vua Tịnh Phạn,

Xuất gia học cam lồ,

Nếu người phát nguyện rộng,

Không ba đường ác này.

Nay ta họp binh chủng,

Đến thăm Sa-môn kia,

Nếu không theo ý ta,

Nắm chân ném ra biển.

Ma kiêu mạn cho rằng không ai thoát khỏi tầm tay của nó, nên đức Phật y kiêu mạn diệt kiêu mạn. Đó là khởi kiêu mạn của Phật. Từ đây ma bắt đầu khởi chiến với ngài.

Khi ấy, tệ ma Ba tuần sân giận bừng bừng, liền bảo đại tướng Sư Tử rằng:

- Mau tập họp bốn bộ chúng, đi đánh dẹp Sa-môn. Và phải quan sát ông ấy có thế lực gì mà dám chiến đấu với ta?

Khi ấy, ta lại suy nghĩ: "Giao chiến với người thường còn không thể im lặng huống gì với người hào quý của cõi Dục. Cũng nên tranh đua với y ít nhiều."

Bấy giờ ngài nghĩ giao chiến với người tầm thường còn phải hò hét, huống nữa ma Ba-tuần là thứ dữ, chẳng lẽ không có gì khống chế nó.

Này Tỳ-kheo! Lúc ấy ta mặc giáp nhân từ, tay cầm cung chánh định, tên trí tuệ, đợi binh chúng kia.

Đức Phật ứng chiến bằng gì? Bằng giáp nhân từ, cung tam-muội, tên trí tuệ. Khi đó đại tướng tệ ma cùng binh chúng mười tám ức, bảo Phật đứng dậy đầu hàng. Ngài vẫn làm thinh không nao núng, cho thấy đức Phật rất gan dạ can đảm. Ma hỏi Phật:

- Sa-môn sợ ta chăng?

Ta bảo:

- Nay ta nhiếp tâm không chút kinh sợ.

Ma Ba-tuần nói:

- Sa-môn! Có thấy bốn bộ binh chủng của ta chăng? Còn ông một thân, không có khí giới gậy gộc, binh đao, đầu trọc, thân trơ, chỉ mặc ba y, lại nói: Ta không sợ?

Khi đó ta hướng đến Ba-tuần nói bài kệ:

Giáp nhân, cung chánh định,

Tay cầm tên trí tuệ,

Phước nghiệp là binh chủng,

Nay sẽ hoại quân ngươi.

Ngài sẵn sàng ứng chiến không chút sợ hãi. Ở trên có giáp nhân từ, cung tam-muội, tên trí tuệ, bây giờ thêm phước nghiệp làm binh khí nữa. Đó là đức Phật chấp nhận khai chiến với ma chứ không thối lui.

Ma Ba-tuần bảo để thì giờ Phật suy nghĩ, nếu không nghe sẽ làm thân Phật tan ra tro.

Lại, Sa-môn dung mạo đoan chánh, tuổi trẻ tươi đẹp, phát xuất từ dòng Sát-đế-lợi, Chuyển luân vương. Mau rời khỏi chỗ này, tập theo ngũ dục. Ta sẽ đem đến

cho ông, để ông làm Chuyển luân thánh vương.

Dọa rồi chuyển sang dụ, ông dòng dõi vua chúa còn trẻ đẹp, về hưởng ngũ dục lạc đi, làm vua cho sung sướng.

Ta đáp:

- Điều ta nguyện là nơi không lo sợ, an ổn tịch tịnh trong thành Niết-bàn, dẫn dắt các chúng sanh trôi nổi trong sanh tử, chìm đắm khổ não được đến con đường chánh.

Như vậy chỗ mong cầu và chí nguyện của Phật là gì? Một là cầu cho mình an ổn, yên tịnh trong Niết-bàn. Hai là dẫn đường cho chúng sanh đang lưu chuyển trong sanh tử khổ đau ra khỏi nơi đó. Như vậy là tự lợi cho mình và tự nguyện đưa chúng sanh ra khỏi trầm luân khổ não. Đó là vừa lợi mình lợi người.

Ma nói với ta:

- Nếu như Sa-môn không mau mau đứng lên khỏi tòa, ta sẽ nắm chân ông ném xuống biển.

Ta đáp Ba-tuần rằng:

- Ta tự quán sát trong cõi trời, người, dù cho ma hay thiên ma, nhân, phi nhân và cả bốn binh chủng của ngươi, không thể khiến ta động một mảy lông.

Tới lúc quyết liệt ma không động được một mảy lông của Phật, đừng nói là làm được việc gì.

Ma bảo:

- Sa-môn! Ngày nay muốn chiến đấu với ta chăng?

Ta đáp:

- Muốn cùng giao chiến.

Như vậy không kiêu mạn là gì?

Ma hỏi:

- Ông ghét điều gì?

Ta đáp:

- Những điều kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trung mạn.

Ma nói với ta:

- Ông dùng nghĩa gì để diệt các mạn đó?

Ta đáp:

- Ba-tuần nên biết! Có nhân Từ tam-muội, Bi tam-muội, Hỷ tam-muội, Hộ tam-muội, Không tam-muội, Vô nguyện tam-muội, Vô tướng tam-muội. Do Từ tam-muội được Bi tam-muội, do Bi tam-muội được Hỷ tam-muội, do Hỷ tam-muội được Hộ (Xả) tam-muội, do Không tam-muội được Vô nguyện tam-muội, do Vô nguyện tam-muội được Vô tướng tam-

muội. Do sức của tam-muội này chiến đấu với ngươi.

Đức Phật trả lời với ma rằng ngài oán ghét mạn. Chữ mạn luôn luôn kèm theo cái ngã, như ngã mạn, tăng thượng mạn... những thứ mạn này từ chấp ngã mà ra. Ba-tuần hỏi dùng nghĩa gì để diệt mạn. Phật đáp dùng từ, bi, hỷ, xả, tức là bốn tâm vô lượng; rồi thêm không, vô tướng, vô nguyện là ba môn giải thoát, để diệt các thứ mạn. Thấy rõ ngã không thật nên phá chấp ngã.

Hành tận ắt khổ tận, khổ tận ắt kết tận, kết tận ắt đến Niết-bàn.

Khi hành hết thì khổ hết, khổ hết thì các kiết sử hết, kiết sử hết thì đến Niết-bàn.

Ma nói:

- Sa-môn! Có thể dùng pháp diệt pháp chăng?

Ta đáp:

- Có thể dùng pháp diệt pháp.

Ma hỏi ta:

- Thế nào là dùng pháp diệt pháp?

Khi ấy, ta bảo:

- Dùng chánh kiến diệt tà kiến, dùng tà kiến diệt chánh kiến. Chánh tư duy diệt tà tư duy, tà tư duy diệt chánh tư duy. Chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ. Chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp. Chánh mạn diệt tà mạn, tà mạn diệt chánh mạn. Chánh phương tiện diệt tà phương tiện, tà phương tiện diệt chánh phương tiện. Chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm. Chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định.

Đó là lấy pháp diệt pháp. Phật không có một pháp riêng cho chúng ta chấp cố định, chẳng qua tùy bệnh cho thuốc. Nếu bệnh tà kiến Phật dùng chánh kiến để trị. Giả sử người có chánh kiến nhưng chấp vào chánh kiến thì dùng tà kiến để trị. Không pháp nào là pháp thật, chỉ do cái này có nên cái kia có. Vì không có pháp thật nên nói lấy pháp này diệt pháp nọ.

Ma nói:

- Sa-môn! Hôm nay tuy có những lời như vậy. Ở chỗ này khó khắc phục. Ông mau đứng dậy, đừng để ta nắm chân ném ra biển.

Ta lại bảo Ba tuần:

- Ngươi tạo phước chỉ một phen nay được làm Ma vương cõi Dục. Xưa kia ta tạo công đức không thể tính kể. Lời của ngươi hôm nay mới thật khó làm.

Đức Phật từ xưa đến giờ tu tạo nhiều công đức mà ma nói nắm chân ném ra biển, việc đó khó được.

Ba-tuần đáp:

- Phước đã làm chỉ ông chứng biết. Ông tự xưng đã tạo vô số phước, ai có thể chứng tri cho ông?

Như vậy là ma Ba-tuần đang thách đố với đức Phật. Ông nói tạo phước mà ai biết, chẳng qua chỉ nói suông thôi.

Tỳ-kheo! Lúc ấy ta duỗi tay mặt, chỉ xuống đất, bảo với Ba-tuần:

- Công đức ta đã tạo, Địa thần chứng biết.

Ta đang nói lời này, Địa thần từ đất vọt lên chắp tay bạch:

- Bạch Thế Tôn! Con đang chứng biết.

Địa thần nói xong, Ba-tuần lo buồn khổ não, liền lui không hiện.

Phật thắng trận. Qua cuộc chiến này chúng ta học thêm được những kinh nghiệm. Phật có dùng thần chú để trị ma không, có dùng bùa để trị ma không? Không. Như vậy ngài trị ma bằng thứ gì? Đầu tiên là giáp từ bi, cung thiền định, tên trí tuệ, sau nữa là thêm bốn món phước nghiệp. Đó là binh khí của ngài. Trong cuộc chiến, chúng ta thấy đức Phật đã sử dụng giáp từ bi hỷ xả để diệt ngã, kế đến dùng cung tam-muội. Nếu không có tam-muội thì đã chạy mất rồi. Nhờ tâm thiền định nên ngài không động, không sợ. Ma bảo đứng dậy ba lần, ngài không đứng, nó đòi giết, ngài không chút sợ sệt. Đó là đã dùng cung tam-muội.

Đến tên trí tuệ. Nó rủ về nhà làm vua, sẽ ủng hộ cho hưởng dục lạc sung sướng. Ngài thấy những thứ đó giả dối tạm bợ nên không muốn. Như vậy không phải trí

tuệ là gì? Cuối cùng ma thua Phật trên phước nghiệp. Khi nói tới phước nghiệp dĩ nhiên ma không thể sánh được với Phật. Chư Phật có công đức vô lượng vô biên nên ma không đấu nổi.

Nếu đọc chuyện Tàu, quý vị thấy Khổng Minh, Quan Công, Lưu Bị; ai tài ai khôn hơn ai? Nói về khôn thì Khổng Minh khôn nhất, nói về tài thì Quan Công tài nhất. Vậy mà Lưu Bị làm vua, chỉ huy mấy ông này. Rõ ràng do phước nhiều hơn nên thành chủ. Việc đó cho chúng ta thấy không phải khôn không phải tài mà do phước quyết định vận mệnh, sự thành bại của mỗi người.

Huynh đệ nghiệm lại đời tu của chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Có người mới bước chân vào đạo, không biết bao nhiêu chuyện điêu đứng xảy ra, tu không được. Có người vào đạo tu dễ dàng, mỗi ngày

mỗi tiến. Tại sao như thế? Tại phước riêng của mỗi vị. Người có phước được thuận lợi, người vô phước nhiều chướng duyên nên trục trặc hoài. Cho nên tu dễ hay khó tùy theo phước. Ma phá được là do ta thiếu phước. Phật thắng ma Ba-tuần là do phước ngài nhiều. Dù thổ địa đứng dậy chắp tay chưa chắc nó sợ, chính yếu do phước Phật quá nhiều nên ma không làm gì được ngài. Chúng ta phước ít, nó khảy móng tay mình đã rung rinh rồi, đừng nói tới hăm he.

Cho nên trong đời tu của mình, dù phước nhỏ bằng cây kim cũng phải bòn phải giữ. Nhiều cái nhỏ cộng lại thành cái lớn. Chính phước đức này sẽ bảo bọc đời tu của chúng ta an ổn. Tuy nhiên, đừng tưởng mình có phước rồi mặc tình thụ hưởng, một khi hết phước các thứ chướng sẽ đến. Biết như vậy, tăng ni dè dặt trong

mọi sinh hoạt, những chuyện không đáng xài mà xài thì tổn phước. Tổn phước thì chướng ngại trên đường tu. Phải kiệm phước, những gì lợi cho người thì sẵn sàng, lợi mình mà tổn người thì dè dặt chớ làm. Hãy bòn mót phước đức để tạo duyên tốt trên đường tu, quyết không thối chuyển.

Đức Phật thắng ma là do phước. Phật dùng kiêu mạn trị nó nhưng dùng trong đức độ, chứ không phải trong oán hờn thù hận. Nó phá mà lúc nào ngài cũng dùng phương tiện của người tu để chiến thắng, chứ không la hét như kẻ phàm phu. Bây giờ chúng ta ngồi thiền, giả sử như có ma hay việc gì bất trắc xảy đến thì la hoặc sợ. Do sợ nên chạy. Nếu không sợ không chạy thì la hét um sùm, cả hai đều dở hết.

Hiểu như vậy, điều kiện cần yếu của người tu là chân chánh, cung thiền định, tên trí tuệ. Khi định tâm không sợ, an ổn

rồi, dùng trí tuệ quán thấy các thứ bên ngoài đều huyễn hóa không thật, thân này cũng như thế. Huyễn diệt huyễn mặc nó, không có gì quan trọng. Như vậy trí tuệ và thiền định là hai vũ khí rất thiết yếu của người tu.

Tỳ-kheo! Do phương tiện này nên biết, pháp còn phải diệt huống là phi pháp. Đã từ lâu, ta vì các thầy nói kinh Nhất Giác Dụ, không ghi lại văn tự, huống giải thích ý nghĩa.

Nhất Giác Dụ là dụ về một cái giác. Trong cuộc chiến này chỉ có giác thôi, không có gì nữa. Chúng ta tu hành muốn an ổn cũng phải giác, thấy đúng như thật là dùng kiếm trí tuệ chặt đứt mọi thứ sợ hãi.

Vì sao? Pháp này sâu xa huyền diệu, các bậc Thanh văn, Bích-chi Phật tu pháp

này được công đức lớn, được cam lồ, đến chỗ vô vi.

Thế nào tên là Dụ nương thuyền? Nghĩa là y nơi mạn diệt mạn, mạn đã diệt tận, lại không còn những niệm tưởng não loạn. Cũng như da con chồn được thuộc kỹ, lấy tay cuộn lại, không nghe tiếng sột soạt, không có chỗ cứng cộm. Đây cũng như thế. Như Tỳ-kheo chấm dứt kiêu mạn, không có tăng giảm. Cho nên nay ta bảo các thầy rằng: "Giả sử bị giặc giam cầm, chớ khởi tâm ác, nên đem lòng từ ban khắp các nơi, cũng như da kia rất mềm mại, bèn được chỗ vô vi lâu dài."

Như thế, Tỳ-kheo! Nên khởi niệm như thế.

Ngay khi thuyết pháp này, có ba ngàn thiên tử ngay tại chỗ ngồi các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn tịnh. Còn sáu mươi Tỳ-kheo khác lại bỏ pháp phục, tập

hạnh cư sĩ. Sáu mươi Tỳ-kheo khác, lậu tận ý giải, được pháp nhãn tịnh.

Phật nói bài kinh này chư thiên ngộ đạo, sáu mươi vị Tỳ-kheo được sạch hết các lậu. Lại có sáu mươi vị Tỳ-kheo xả pháp phục lui về thế tục. Tại sao? Hạng lui về là hạng nào? Là hạng chấp pháp, là các vị đã hỏi "học đạo không phải do pháp sao?" Phật nói pháp còn phải bỏ, huống nữa là phi pháp, nhưng họ cho rằng phải có pháp học mới được. Các vị ấy nghe nói bỏ pháp thì không còn chỗ nương tựa nên thối tâm Bồ-đề. Đó là nói về dụ thuyền bè./.